

THÔNG BÁO
MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (MCK: TID)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa”) trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, với các nội dung chính như sau:

1. Thời gian: Bắt đầu từ **07 giờ 30 phút, Thứ ba, ngày 29/6/2021.**

2. Địa điểm:

Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, để thực hiện quy định về giãn cách xã hội, Ban tổ chức bố trí việc tham dự Đại hội tại một số phòng như sau:

+ **Phòng họp 1: Phòng họp Tổng Công ty Tín Nghĩa.** Địa chỉ: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ **Phòng họp 2: Phòng họp Công ty CP Xăng dầu Tín Nghĩa.** Địa chỉ: Số 95A, Cách Mạng Tháng 8, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ **Phòng họp 3: Hội trường Nhà khách 71.** Địa chỉ: Số 71, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

Các cổ đông được bố trí tham dự theo địa điểm cụ thể được gửi trong thư mời.

3. Nội dung Đại hội: (Theo chương trình đính kèm).

4. Thành phần tham dự:

- Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu cổ phiếu TID do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp (*ngày đăng ký cuối cùng là ngày 28/5/2021*) hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

- Trường hợp Cổ đông không thể trực tiếp tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho Đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu đính kèm, có chữ ký xác nhận (đối với cổ đông là cá nhân) và ký tên, đóng dấu (đối với cổ đông là Tổ chức).

- Để thực hiện quy định về phòng chống dịch Covid-19, khuyến nghị Quý cổ đông ủy quyền cho Đại diện tham dự.

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Tài liệu phục vụ Đại hội được đăng tải tại website của Tổng Công ty Tín Nghĩa tại địa chỉ <https://tinnghiacorp.com.vn/quan-he-co-dong/tin-tuc-cho-nha-dau-tu>.

6. Xác nhận tham dự Đại hội:

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền dự họp theo mẫu đính kèm, gửi về Trụ sở chính Tổng Công ty Tín Nghĩa qua dịch vụ chuyển phát nhanh, fax hoặc scan gửi qua email, trước 17 giờ ngày 16/6/2021.

- Địa chỉ tiếp nhận: Tổng Công ty Tín Nghĩa. Số 96 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người liên hệ: Chị Lê Thị Ngọc Hân – Thư ký Hội đồng quản trị.

Điện thoại: (0251) 3 822 486 - Ext 106. Fax: (0251) 3 823 747.

Email: han.ltn@tinnghiacorp.com.vn

7. Một số lưu ý:

- Quý Cổ đông tham dự Đại hội vui lòng mang theo Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (Bản chính). Với các trường hợp ủy quyền, Người được ủy quyền vui lòng mang theo Giấy ủy quyền (Bản chính) và Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (Bản chính) của Người được ủy quyền.

- Để bảo vệ sức khỏe của bản thân và cộng đồng trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đề nghị Quý Cổ đông nghiêm túc tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19 theo khuyến cáo của Bộ Y tế (xem phần lưu ý bên dưới thư mời).

- Thông báo này thay thế Thư mời trong trường hợp Quý cổ đông không nhận được Thư mời họp do địa chỉ không chính xác.

Trân trọng thông báo./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HNX, VSD (để b/c);
- HĐQT, BKS;
- Lưu: hồ sơ đại hội, VP HĐQT.

LƯU Ý VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho Quý Cổ đông và khách mời tham dự Đại hội, Tổng Công ty Tín Nghĩa thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

1. Tổng Công ty tiến hành khử khuẩn toàn bộ khu vực tổ chức trước khi diễn ra Đại hội.
2. Tổng Công ty bố trí phòng họp trực tuyến cho Quý Cổ đông trong trường hợp số lượng cổ đông tham dự tại phòng họp chính vượt quá số lượng người theo quy định về điều kiện giãn cách xã hội tại thời điểm tổ chức Đại hội. Nhân viên của Ban Tổ chức Đại hội sẽ hướng dẫn cụ thể Quý Cổ đông khi tham dự.
3. Quý Cổ đông và khách mời vui lòng thực hiện:
 - Khai báo y tế theo quy định để Ban Tổ chức tiện theo dõi và trích xuất dữ liệu khi cần thiết;
 - Sát khuẩn tay và thực hiện kiểm tra thân nhiệt trước khi vào khu vực tổ chức Đại hội;
 - Đeo khẩu trang trong suốt quá trình tham gia Đại hội.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30' – 8h00'	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông.- Thủ tục y tế phòng, chống dịch Covid-19- Kiểm tra thủ tục cổ đông dự Đại hội.	Ban Tổ chức
8h00' – 8h15'	Nghi thức Đại hội:	
	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.- Báo cáo kết quả kiểm tra số lượng, tỷ lệ Cổ đông tham dự và điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.- Giới thiệu và thông qua thành phần Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử.	Ban Tổ chức
8h15' – 8h30'	Nội dung Đại hội:	
	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Chương trình Đại hội.- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	Chủ tọa đoàn
8h30' – 8h45'	Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.	Chủ tọa đoàn
8h45' – 9h00'	Báo cáo của Hội đồng quản trị về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ I (2016-2021) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021-2026).	Chủ tọa đoàn
9h00' – 9h05'	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.	Ban kiểm soát
9h05' – 9h15'	Báo cáo của Ban kiểm soát về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ I (2016- 2021) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021-2026).	Ban kiểm soát
9h15' – 9h45'	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo	Chủ tọa đoàn

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
9h45' – 10h20'	<p>Thông qua các Tờ trình:</p> <p>1) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.</p> <p>2) Tờ trình về dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.</p> <p>3) Tờ trình về mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2020 và dự toán thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>4) Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021.</p> <p>5) Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.</p> <p>6) Tờ trình về việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7) Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.</p> <p>8) Tờ trình về phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.</p> <p>9) Tờ trình về phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.</p> <p>10) Tờ trình về phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.</p>	Chủ tọa đoàn
10h20' - 11h05'	Bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ II (2021 – 2026).	
	<p>1) Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 – 2026).</p> <p>2) Thông qua Tờ trình bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 – 2026).</p>	Chủ tọa đoàn
	<p>3) Hướng dẫn ghi phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 – 2026).</p> <p>4) Các cổ đông bầu cử.</p> <p>5) Ban bầu cử kiểm phiếu bầu.</p>	Ban bầu cử

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
11h05' – 11h15'	Giải lao	
11h15' - 11h30'	Công bố kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026). Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 – 2026) ra mắt Đại hội.	Ban bầu cử
	Bế mạc Đại hội	
11h30' – 11h40'	Thông qua Biên bản Đại hội – Biểu quyết	Thư ký đoàn trình bày và Chủ tọa đoàn lấy biểu quyết
11h40' – 11h50'	Thông qua Nghị quyết Đại hội - Biểu quyết.	Thư ký đoàn trình bày và Chủ tọa đoàn lấy biểu quyết
11h50' – 12h00'	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

.....

Giấy tờ pháp lý của cá nhân/ tổ chức số: Cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/đăng ký:.....

.....

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:

Tổng số cổ phần sở hữu đến ngày **28/5/2021**: Bằng số:..... cổ phần.

(Bằng chữ:)

XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp)

☐

Tham dự Đại hội

☐

Không tham dự Đại hội

....., ngày.....tháng.....năm 2021

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Bên Ủy Quyền:

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Giấy tờ pháp lý của cá nhân/ tổ chức: Cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:.....

Tổng số cổ phần sở hữu:.....

2. Bên Được Ủy Quyền:

2.1. Tên cá nhân/tổ chức:.....

Giấy tờ pháp lý của cá nhân/ tổ chức: Cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú/đăng ký:.....

Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ (1):

Hoặc:

2.2. Ủy quyền cho một trong các thành viên Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau: (Đánh dấu X vào một trong các ô sau đây)

☐ Bà **Đặng Thị Thanh Hà** – Chủ tịch HĐQT.

☐ Ông **Quách Văn Đức** – Phó Chủ tịch HĐQT.

☐ Ông **Lê Hữu Tịnh** – Thành viên HĐQT.

☐ Ông **Lê Văn Danh** – Thành viên HĐQT.

3. Nội dung ủy quyền: Bên Ủy Quyền ủy quyền cho Bên được Ủy Quyền thực hiện:

- Số lượng cổ phần được ủy quyền:

Toàn bộ:Một phần (2):

- Phạm vi ủy quyền: (Đánh dấu X vào các ô tương ứng):

☐ Tham dự ĐHĐCĐ

☐ Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết.

Bên Được Ủy Quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền theo Giấy ủy quyền này và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2021./.

Bên Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ngày tháng năm 2021

Bên được Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Chỉ điền vào mục này nếu Bên Được Ủy Quyền là tổ chức;

(2) Cung cấp số lượng cổ phần được ủy quyền.

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “**Tổng Công ty Tín Nghĩa**” hoặc “**Tổng Công ty**”).

1. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

2. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày **28/5/2021** có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 3. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội được nhận **01 (Một)** thẻ biểu quyết và **02 (Hai)** phiếu bầu cử. Trong đó:

- Thẻ biểu quyết màu vàng (ghi: mã số biểu quyết; họ tên; số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
- Phiếu bầu cử màu xanh để bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- Phiếu bầu cử màu hồng để bầu thành viên Ban Kiểm soát.

4. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tới dự Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội.

Cổ đông khi tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đoàn. Cổ đông tập trung phát biểu vào những nội dung trọng tâm phù hợp với chương trình nghị sự được Đại hội thông qua trên tinh thần góp ý xây dựng. Cổ đông tham dự Đại hội có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Thư ký đoàn.

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muốn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ tọa Đoàn không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần phải mang theo các Giấy tờ sau:

- a) Giấy chứng minh nhân dân hoặc CCCD hoặc hộ chiếu;
- b) Giấy xác nhận tham dự Đại hội /Giấy ủy quyền (nếu là trường hợp đại diện theo ủy quyền) hoặc văn bản cử người đại diện phần vốn đối với cổ đông là tổ chức (đối với đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa Đoàn và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

3. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, không hút thuốc lá trong Hội trường, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động để theo chế độ rung.

Điều 5. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội.

1. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội thành lập.

2. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội có trách nhiệm:

a) Kiểm tra điều kiện dự Đại hội của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại ngày **28/5/2021**;

b) Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

c) Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

3. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử

1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử (sau đây gọi tắt là Ban kiểm phiếu) gồm một Trưởng ban và một số thành viên. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là các ứng viên vào thành viên Hội đồng quản trị bầu và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021-2026) tại Đại hội.

- Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết.

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua tại Đại hội.

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

b) Đối với việc bầu (theo phương thức bầu dồn phiếu) thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:

- Thông báo, hướng dẫn thẻ lệ bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Phát Phiếu bầu cử cho các cổ đông theo đúng số cổ phần có quyền biểu quyết của từng cổ đông;

- Tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu bầu cử) trước Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đoàn

1. Chủ tọa Đoàn gồm một Chủ tịch và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đoàn:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số các cổ đông tham dự.

b) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

c) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Quyết định của Chủ tọa Đoàn về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

f) Bất cứ lúc nào Chủ tọa Đoàn có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty) hoặc thay đổi địa điểm họp mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.



Điều 8. Thư ký đoàn

1. Thư ký đoàn gồm một Trưởng ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Thư ký đoàn thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đoàn:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.
 - b) Hỗ trợ Chủ tọa Đoàn công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa Đoàn gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại ngày **28/5/2021**.
2. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 không thành theo Điều 19 của Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Thẻ lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết

1. Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;
 - b) Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.
2. Cách thức biểu quyết:
 - a) Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - b) Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được đưa ra, các cổ đông nào tán thành thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã số biểu quyết và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý.
 - c) Tương tự, theo hướng dẫn của Chủ tọa Đoàn, các cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

Điều 11. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử do Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông

qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp thì phải đạt ít nhất 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo thể lệ bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021-2026).

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Thư ký đoàn ghi vào Biên bản họp.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết phải lập xong, thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 04 Chương và 14 Điều, chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa sau khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp biểu quyết thông qua.

2. Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty Tín Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 139 /TB-HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc đề cử, ứng cử bầu thành viên

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021 - 2026)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”), nhiệm kỳ I (2016 – 2021) kết thúc nhiệm kỳ vào năm 2021. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty sẽ bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để tiến hành các bước chuẩn bị cho công tác bầu cử, Hội đồng quản trị Tổng Công ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) như sau:

I. Tiêu chuẩn và điều kiện của các chức danh ứng cử

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

- Phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và có ý thức chấp hành pháp luật.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Không phải là người đang làm việc cho Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng Công ty; là người quản lý của Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

e) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

g) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.

a) Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty.

II. Hướng dẫn thủ tục và hồ sơ đề cử, ứng cử:

1. Hồ sơ đề cử, ứng cử gồm 02 (hai) bản theo biểu mẫu, gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú;
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có).

2. Thời hạn chốt hồ sơ: Chậm nhất **17 giờ ngày 16/6/2021**. Sau thời gian này, nếu số lượng ứng cử viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định.

3. Nơi nhận hồ sơ đề cử: **Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

- Địa chỉ: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Người liên hệ: Lê Thị Ngọc Hân – Thư ký Hội đồng quản trị.
- Email: han.ltn@tinnghiacorp.com.vn
- Điện thoại: (0251) 3 822 486 -- Ext.: 106. Fax: (0251) 3823 747.

Người được đề cử, ứng cử làm ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ đề cử, ứng cử của mình.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu: Hồ sơ Đại hội, VP HĐQT.



Đặng Thị Thanh Hà





GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT⁽¹⁾

NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

(Áp dụng cho cổ đông là cá nhân/ tổ chức)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Họ tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần TID sở hữu (Tính đến thời điểm ngày 28/5/2021):.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: đồng

Đề nghị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa cho tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần TID

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....đồng

2. Ông/Bà:

** Ứng cử viên tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như ứng cử viên thứ nhất.*

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát⁽¹⁾ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

** Lưu ý ⁽¹⁾ : Vui lòng chọn 01 trong 02 chức danh ứng cử*

....., ngày.... tháng năm

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BAN KIỂM SOÁT⁽¹⁾

NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Người đại diện nhóm cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần TID sở hữu *(Tính đến thời điểm ngày 28/5/2021)* của nhóm cổ đông:

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: đồng

Đề nghị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa cho chúng tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần TID

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... đồng

2. Ông/Bà:

** Ứng cử viên tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như ứng cử viên thứ nhất.*

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát⁽¹⁾ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

** Lưu ý⁽¹⁾ : Vui lòng chọn 01 trong 02 chức danh ứng cử*

....., ngày..... tháng năm

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG

ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

(theo mẫu)

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/ HC/GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
Tổng cộng					



GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT ⁽¹⁾
NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Tôi tên là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần TID sở hữu (Tính đến thời điểm ngày 28/5/2021):.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: đồng

Đề nghị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa cho tôi được ứng cử vào Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát⁽¹⁾ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ II (2021 – 2026). Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

* Lưu ý ⁽¹⁾ : Vui lòng chọn 01 trong 02 chức danh ứng cử.

....., ngày..... tháng năm

Người tự đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát⁽¹⁾)

Họ và tên :

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát ⁽¹⁾

Họ và tên:	
Giới tính:	
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
CMND/CCCD:	ngày cấp:, nơi cấp:
Quốc tịch:	
Địa chỉ thường trú:	
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	
Quá trình công tác: + Từ đến + Từ đến + Từ đến + Từ đến	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Tổng Công ty:	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Các lợi ích liên quan đến Tổng Công ty (nếu có):	
Số cổ phần TID nắm giữ (tại thời điểm 28/5/2021): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty:	1. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.
	2. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát ⁽¹⁾.

* Lưu ý ⁽¹⁾ : Vui lòng chọn 01
trong 02 chức danh ứng cử

....., ngày tháng năm

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



BIÊN BẢN HỌP NHÓM

ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT ⁽¹⁾
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA, NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

Hôm nay, ngày/...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, cùng nhau nắm giữcổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu tính đến ngày 28/5/2021	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
	Tổng cộng				

Chúng tôi cùng nhất trí cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử vào Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát ⁽¹⁾ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát⁽¹⁾:

1. Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần TID

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....đồng

** Ứng cử viên tiếp theo (nếu có): ghi tương tự như ứng cử viên thứ nhất.*

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

....., ngày..... tháng năm

** Lưu ý ⁽¹⁾ : Vui lòng chọn 01 trong 02 chức danh ứng cử*

Người đại diện nhóm
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số: 140 /TTr - HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thành phần Chủ tọa Đoàn, Thư ký Đoàn,
Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua thành phần Chủ tọa Đoàn, Thư ký Đoàn và Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh và Đơn vị công tác	Ghi chú
I. CHỦ TỌA ĐOÀN			
1	Bà Đặng Thị Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Chủ tịch đoàn
2	Ông Quách Văn Đức	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên
3	Ông Lê Hữu Tịnh	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên
4	Ông Lê Minh Chương	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên
5	Ông Nguyễn Văn Hồng	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên
II. THƯ KÝ ĐOÀN			
1	Ông Nguyễn Quốc Kỳ	Giám đốc Pháp chế Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Trưởng ban
2	Ông Tăng Trần Tấn Khải	Phó giám đốc Đầu tư Phát triển Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh và Đơn vị công tác	Ghi chú
III. BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ			
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Trưởng ban
2	Ông Lê Đình Sơn	Phó giám đốc Công ty cổ phần Chế biến XNK - NSTP Đồng Nai	Phó Trưởng ban
3	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Phó giám đốc Kiểm toán Nội bộ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Ly	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng Công ty TNHH Tín Nghĩa Commodities	Thành viên

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 141/BC-HĐQT

Biên Hoà, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

I. Kết quả hoạt động năm 2020

Năm 2020 kinh tế toàn cầu bị “tổn thương” nghiêm trọng, trong đó thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, xung đột, bạo động, chia rẽ sâu sắc, căng thẳng thương mại... bao trùm nhiều khu vực trên thế giới và biến năm 2020 thành một trong những năm khó khăn nhất trong lịch sử của kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, đại dịch Covid – 19 đã bùng phát, lan rộng, diễn biến nhanh, phức tạp và đẩy kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ II, các biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn đại dịch Covid – 19 đã làm cho nhiều nền kinh tế trên toàn cầu suy giảm mạnh nhất trong nhiều thập kỷ.

Đối với Việt Nam, cùng với những tác động nặng nề trước ảnh hưởng của đại dịch và xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại của nhiều quốc gia trên thế giới, kinh tế trong nước còn chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi thiên tai, hạn hán, bão lũ, sạt lở đất... liên tiếp xảy ra khiến cho kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn, mức tăng trưởng chỉ 2,91%, thấp nhất trong thập niên 2011 – 2020.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN, dịch vụ logistics, xuất khẩu cà phê và kinh doanh xăng dầu nên Tổng Công ty Tín Nghĩa cũng không tránh khỏi những tác động từ đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam. Trong năm 2020, doanh thu, lợi nhuận và kim ngạch xuất khẩu đạt thấp so với kế hoạch.

1. Kết quả kinh doanh Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (Công ty Mẹ)

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	% So sánh	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.000	3.418	3.919	85%	87%
2. Lợi nhuận sau thuế	"	150	68	41	45%	163%
3. Kim ngạch XK	Tr.USD	151	105	109	70%	97%
4. Mặt hàng chủ yếu						
- Cà phê	tấn	100.000	76.260	73.474	76%	104%
- Sắt thép	"	7.900	7.732	1.104	98%	700%
- Cho thuê KCN	ha	58	45	53	77%	85%

Công ty Mẹ tập trung vào các lĩnh vực: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, xuất khẩu cà phê và kinh doanh thương mại.

Trong lĩnh vực Khu công nghiệp: Công ty Mẹ chỉ quản lý kinh doanh KCN Nhơn Trạch 3, KCN An Phước, KCN Tân Phú, KCN Ông Kèo. Doanh thu từ cho thuê hạ tầng KCN năm 2020 là 286,6 tỷ đồng, tăng 14% so với kế hoạch, lợi nhuận: 131 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực xuất khẩu cà phê nhân: Năm 2020, đã xuất khẩu 73.194 tấn và bán nội địa 3.066 tấn, đạt 76% kế hoạch và tăng 4% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 105 triệu USD, đạt 70% kế hoạch và bằng 97% so với cùng kỳ.

Trong lĩnh vực kinh doanh thương mại: Trong năm 2020, Công ty tập trung tiêu thụ lượng hàng tồn kho 7.732 tấn/7.868 tấn thép

Ngoài 2 lĩnh vực trên, Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa thực hiện đầu tư tài chính và giữ vai trò chi phối nhiều công ty trong các lĩnh vực KCN, bất động sản, xăng dầu và dịch vụ logistics. Các công ty trong lĩnh vực KCN, dịch vụ có hiệu quả nhưng các công ty trong lĩnh vực sản xuất không có hiệu quả. Cụ thể như sau:

** Lĩnh vực Khu công nghiệp (Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa, Công ty CP KCN Tín Nghĩa – Phương Đông):* Hoạt động của các công ty trong lĩnh vực này có hiệu quả cao. Doanh thu thuộc lĩnh vực này (không kể của Công ty Mẹ) là 758 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 338 tỷ đồng.

** Lĩnh vực sản xuất, chế biến: (Công ty CP Cà phê Tín Nghĩa, Công ty Donafoods, Công ty CP Tín Nghĩa - Lào):* Các công ty thuộc lĩnh vực này đều kinh doanh không có hiệu quả dù tổng doanh thu thuộc lĩnh vực này đạt được 975 tỷ đồng.

** Lĩnh vực xăng dầu:* Trong năm 2020, giá xăng dầu thế giới giảm mạnh, thù lao đại lý ở mức thấp. Do đó, hoạt động của Công ty CP Xăng dầu Tín Nghĩa hiệu quả không bằng các năm trước, sản lượng bán ra chỉ đạt 161 triệu lít, doanh thu 2.062 tỷ đồng, lợi nhuận không đáng kể.

** Lĩnh vực bất động sản: (Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch, Công ty CP Phước Tân, Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu):* Trong năm 2020, các công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục đầu tư, thi công hạ tầng chưa tạo được doanh thu đáng kể. Riêng Công ty CP Phước Tân có ghi nhận doanh thu của giai đoạn 1: 151,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 37,48 tỷ đồng. Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa-Á Châu trong năm chưa có doanh thu nhưng đã nộp tiền sử dụng đất của dự án: 1.142 tỷ đồng.

** Lĩnh vực dịch vụ (Công ty CP Logistics Tín Nghĩa, Công ty CP DNVVN Nhật Bản – JSC, Công ty CP QLDA Tín Nghĩa, Công ty CP DV Bảo vệ Tín Nghĩa):* Các công ty thuộc lĩnh vực này kinh doanh có hiệu quả, tổng doanh thu của 4 công ty là 289,8 tỷ đồng, lợi nhuận: 30 tỷ đồng.

2. Hoạt động đầu tư phát triển

2.1. Đối với Công ty Mẹ:

Trong năm 2020, tiếp tục tập trung công tác đầu tư và hoàn tất thủ tục pháp lý các dự án trọng điểm. Tổng chi phí đầu tư thực hiện năm 2020: 301,4 tỷ đồng, trong đó đầu tư hạ tầng: 177,7 tỷ đồng, đền bù đất: 123,7 tỷ đồng.

Tiến độ thực hiện các dự án chủ yếu của Công ty Mẹ như sau:

a) Lĩnh vực Xăng dầu:

*** Kho xăng dầu và bến chuyên dùng xăng dầu tại xã Phú Hữu.**

- Gia hạn tiến độ đầu tư, điều chỉnh nâng quy mô đầu tư giai đoạn 1 của dự án và điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/500.

- Thực hiện các thủ tục thẩm duyệt thỏa thuận tổng mặt bằng và thẩm định thiết kế cơ sở phòng cháy chữa cháy Kho xăng dầu, cầu cảng 40.000 DWT.

*** Các Trạm xăng dầu:**

- Hoàn tất thi công xây dựng và đưa vào khai thác kinh doanh Trạm xăng dầu Long Giao.

- Thực hiện các thủ tục về sở hữu công trình Trạm Xăng dầu Tam Phước.

b) Lĩnh vực logistics, dịch vụ:

*** Dự án Cảng Tổng hợp Phú Hữu:**

- Đang thực hiện thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Đơn vị tư vấn đã hoàn thiện hồ sơ chỉnh sửa báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trình Bộ Tài nguyên – Môi trường phê duyệt.

- Đến nay, đã thỏa thuận đền bù 12,5ha/34,5ha, đạt tỷ lệ 36,2%.

c) Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, bất động sản:

*** Đầu tư hạ tầng KCN Ông Kèo:**

Thực hiện nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng tuyến đường số 2, hoàn tất hồ sơ kiểm toán giá trị quyết toán gói thầu.

Công tác bồi thường vẫn chưa triển khai nhanh chóng vì có nhiều trở ngại từ thủ tục hành chính. Quyết định bồi thường từ năm 2019 đến nay vẫn còn 28 hộ (với diện tích 17,5 ha) chưa nhận tiền bồi thường (gần 44,7 tỷ đồng). Tính đến ngày 31/12/2020, đã bồi thường và thỏa thuận được 417 ha, còn lại 216 ha phải bồi thường.

*** Dự án Khu đô thị du lịch Đại Phước:** Dự án chưa được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư nên công tác triển khai gặp khó khăn. Đã đền bù được 6 ha đất, tỷ lệ 5,29% tổng diện tích phải đền bù và phải tạm ngưng do chờ cấp quyết định chủ trương đầu tư.

Đã phối hợp đơn vị tư vấn và UBND xã tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư tại khu vực dự án để hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.2. Đối với các công ty con, công ty liên kết:

Trong năm 2020, một số dự án lớn và quan trọng đã được các công ty con, công ty liên kết triển khai:

*** Dự án Xã lộ 25 (huyện Thống nhất):** Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa đang chờ bổ sung vào quy hoạch KCN. Hồ sơ đang trình Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

*** Dự án Khu đô thị Phú Thạnh – Long Tân (Khu đô thị Đông Sài Gòn):** Năm 2020, Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch gặp nhiều khó khăn về vốn và quy trình thủ

tục dự án nên nhiều công việc triển khai bị chậm. Công tác thi công hạ tầng phía Nam (208 ha) đang được triển khai. Hiện tại còn 156 ha chưa bồi thường.

* *Dự án Khu dân cư Phước Tân*: Công ty CP Đầu tư Thương mại Phước Tân đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý giai đoạn 1 (35,9 ha) để đủ điều kiện kinh doanh. Giai đoạn 2 (120,6 ha) đã thỏa thuận đền bù hơn 105 ha.

* *Dự án Khu dân cư Đất đỏ*: Đến cuối năm 2020 Công ty CP KCN Tín Nghĩa - Phương Đông đã hoàn thành thiết kế quy hoạch 1/500, đang chờ cấp sổ đỏ.

3. Công tác tài chính

Trong năm 2020, tổng dư nợ phải trả của Tổng Công ty đã giảm hơn 719 tỷ đồng (từ 5.643 tỷ đồng xuống còn khoảng 4.932 tỷ đồng). Trong đó, dư nợ ngắn hạn giảm 809 tỷ đồng.

Dòng tiền trong năm 2020 luôn căng thẳng do số nợ đến hạn lớn, trong khi các khoản nợ từ các đơn vị, các khách hàng... thu rất chậm và không đúng theo kế hoạch. Để trả nợ đúng hạn, phải tăng vòng quay xuất khẩu cả phê nhằm đảm bảo dòng tiền luân chuyển bình thường.

Công ty CP KCN Tín Nghĩa - Phương Đông đã hoàn tất việc vay vốn 807 tỷ đồng tại Ngân hàng Vietin Bank, đến tháng 12/2020 đã giải ngân được 552 tỷ đồng.

Tổng Công ty đã phối hợp với các ngân hàng về việc điều chỉnh giảm lãi suất, gia hạn thời gian trả nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong năm, Ngân hàng đã giãn thời gian trả nợ cho các khoản dư nợ đủ điều kiện (19,5 triệu USD).

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty

Trong năm 2020, HĐQT Tổng Công ty đã tập trung thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm, quyền hạn và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Cụ thể như sau:

4.1. Thực hiện những nội dung được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền:

HĐQT Tổng Công ty đã thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, cụ thể như sau:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Thông qua Đại diện chỉ định tại các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty, tăng cường giám sát hoạt động của đơn vị; đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

b) Lựa chọn, thương lượng và ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

c) Xây dựng và ban hành Quy chế về Đại diện chỉ định của Tổng Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d) Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

e) Kiện toàn, phân công trách nhiệm thành viên HĐQT Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ I (2016 - 2021).

f) Luân chuyển nhân sự quản lý, điều hành tại một số công ty con. Tuyển dụng Giám đốc điều hành (CEO) cho Công ty TNHH Tín Nghĩa Commodities.

g) Tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, thoái vốn Tổng Công ty tại Công ty CP XNK Xăng dầu Tín Nghĩa (Pelio).

e) Chỉ đạo triển khai thực hiện KPIs tại Tổng Công ty và áp dụng đồng bộ trong hệ thống Tổng Công ty từ năm 2021 nhằm xây dựng một hệ thống quản trị chiến lược, quản trị mục tiêu, đánh giá hiệu quả công việc theo BSC & KPIs.

4.2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 12 (mười hai) phiên họp (trong đó có 04 (bốn) phiên họp định kỳ và 08 (tám) phiên họp bất thường) và 02 (hai) lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ những cuộc họp của HĐQT. Các thành viên đều thể hiện trách nhiệm cao, tập trung thảo luận, đánh giá, tìm các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng, đến chiến lược phát triển và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch SXKD – Đầu tư năm 2020. Những vấn đề phát sinh ngoài các phiên họp thường kỳ, bất thường đều được các thành viên HĐQT gửi ý kiến tham gia bằng văn bản.

HĐQT đã ban hành 26 nghị quyết, 33 quyết định về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nhân sự và tổ chức bộ máy (chiếm 56%), đầu tư (22%), tài chính (15%) và các công việc liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông (7%). Các văn bản ban hành thực hiện theo đúng thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc, thủ tục, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

HĐQT đã giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. HĐQT thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT, kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo Tổng Công ty phát triển đúng định hướng, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

4.3. Hoạt động giám sát đối với Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành:

HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và Người đại diện chỉ định của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ, kịp thời việc báo cáo, cung cấp thông tin các hoạt động thuộc thẩm quyền của Ban điều hành cho HĐQT.

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm soát hoạt động quản lý, hoạt động của Ban điều hành trên các lĩnh vực sau:

- Giám sát việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty Mẹ và các Công ty con, công ty liên kết.

- Xem xét, đánh giá và thông qua các báo cáo của Tổng giám đốc về tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD và đầu tư, nhận định những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

- Đảm bảo sự tuân thủ của bộ máy quản lý, điều hành đối với luật pháp, các quy định nội bộ liên quan để quản trị công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

- Kiểm tra thường xuyên và đột xuất tính tuân thủ trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán và tính tuân thủ của Ban điều hành, của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty Mẹ và các đơn vị trong hệ thống.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2021

1. Nhận định tình hình

Đại dịch Covid – 19 tiếp tục còn tác động đến kinh tế toàn cầu trong năm 2021 cùng với thách thức nợ công và thâm hụt ngân sách của các quốc gia phải đối mặt khi trong năm 2020 họ đã nới lỏng chính sách tài chính tiền tệ thông qua các gói kích thích và chính sách cắt giảm lãi suất.

Dù vậy năm 2021 vẫn xuất hiện nhiều nhân tố tích cực hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuất hiện. Đó là: (i) Chương trình tiêm vaccine ngừa Covid- 19 đang triển khai tích cực tại nhiều quốc gia và bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan; (ii) Căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có tín hiệu giảm nhiệt; (iii) Kinh tế Châu Âu sẽ sang trang mới khi thoả thuận thương mại song phương sau Brexit giữa Anh và EU đã chính thức được ký kết; (iiii) Một số nền kinh tế mới nổi, đặc biệt tại khu vực Châu Á, đã phục hồi mạnh mẽ nhờ vào sự tăng tốc của thương mại nội khối. Trong đó, một thoả thuận thương mại khu vực giữa 15 nước APEC đã được ký kết bằng Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RECEP) vào tháng 11/2020 sẽ tiếp thêm sức mạnh cho thương mại nội khối trong toàn khu vực vào năm 2021 và những năm tới.

Với những nhân tố tích cực này, có thể nói năm 2021 sẽ là năm quan trọng để kinh tế toàn cầu hồi phục. Kinh tế Việt Nam cũng được hỗ trợ nhờ những nền tảng đạt được trong năm 2020, xu hướng ổn định của kinh tế vĩ mô, dòng vốn FDI duy trì và lợi thế đến từ các FTA đã có hiệu lực. Hy vọng mức tăng trưởng kế hoạch 6,5% sẽ đạt được trong năm 2021 khi cả hệ thống chính trị và nhân dân thực hiện tốt công cuộc chống đại dịch Covid – 19.

Từ những nhân tố tích cực trên, hoạt động kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty được định hướng, xác định với mục tiêu kế hoạch năm 2021 và các giải pháp như sau:

2. Định hướng hoạt động kinh doanh và đầu tư năm 2021.

- Về sản xuất kinh doanh: Các chỉ tiêu kế hoạch, nhất là chỉ tiêu tăng trưởng phải được duy trì ở mức cao, có hiệu quả nhằm giữ vững quy mô, nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu của Tổng Công ty.

- Về đầu tư: Tiếp tục đầu tư, mở rộng lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp và bất động sản, tập trung phát triển lĩnh vực dịch vụ, logistics.

- Về tài chính: Tiếp tục đảm bảo dòng tiền, giải quyết dứt điểm việc mất cân đối nguồn vốn lưu động và trung dài hạn. Thoái vốn đầu tư tại Công ty con (Công ty CP Chế biến XNK NSTP Đồng Nai).

- Về quản trị: Tập trung xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp theo hướng hiện đại và mô hình Công ty đại chúng với ứng dụng các phương thức quản trị tiên tiến và các giải pháp công nghệ thông tin vào công tác quản trị.

3. Kế hoạch kinh doanh:

Với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, nhận định tình hình và quan điểm định hướng hoạt động của Tổng Công ty năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Mẹ được xác định với những chỉ tiêu tổng hợp như sau:

Đvt : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	%KH2021 /TH2020
1. Tổng doanh thu hợp nhất	7.610	10.500	138%
<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	3.418	3.600	105%
2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	74	390	527%
<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	68	300	444%

4. Kế hoạch đầu tư:

Trong năm 2021, lĩnh vực đầu tư phát triển tập trung vào hoàn thành thủ tục đầu tư, triển khai các dự án lớn thuộc lĩnh vực KCN, bất động sản và một số dự án dở dang từ trước. Tổng vốn đầu tư dự kiến năm 2021 là 1.745 tỷ đồng, trong đó ưu tiên cho KCN Ông Kèo.

5. Các giải pháp chủ yếu.

* Đối với Công ty Mẹ:

- Về hoạt động kinh doanh xuất khẩu cà phê: Tiếp tục duy trì mua bán xuất khẩu cà phê nhân (kế hoạch sản lượng 75.000 tấn, kim ngạch: 112 triệu USD) và đảm bảo có hiệu quả, không bị lỗ, nhằm duy trì quy mô doanh thu ở mức trên 10.000 tỷ đồng.

- Về kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp: Hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư về thủ tục pháp lý, tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư trong nước và quốc tế. Tiếp tục khảo sát tìm hiểu thông tin về quỹ đất KCN nhằm chuẩn bị các điều kiện tham gia theo định hướng quy hoạch của Tỉnh và Chính phủ.

- Về hoạt động đầu tư: Năm 2021, thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng KCN Ông Kèo. Hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án Cảng tổng hợp Phú Hữu, Khu đô thị du lịch Đại Phước. Đối với dự án Khu trung tâm dịch vụ Hiệp Phước: xin chuyển đổi quy hoạch và có phương án đền bù để kinh doanh hiệu quả.

- Về hoạt động tài chính: Tiếp tục đảm bảo dòng tiền, luân chuyển vốn hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư. Thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Chế biến XNK NSTP Đồng Nai (Donafoods) và các Công ty khác ngoài hệ thống Tín Nghĩa. Xử lý thu dứt điểm các khoản nợ dây dợ (gốc và lãi quá hạn) của bên ngoài và nội bộ Tổng Công ty đang tồn đọng, tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí. Ưu tiên nguồn vốn để tăng vốn góp tại Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa (KCN Tam Phước), Công ty CP Phước Tân, thực hiện đền bù KCN Ông Kèo. Trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ưu tiên hàng đầu là trả nợ ngân hàng.

- Về hoạt động quản trị: Tập trung hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, kết hợp với triển khai KPIs trong toàn Tổng Công ty. Thực hiện mô hình quản lý theo công ty đại chúng, cải tiến công tác quản trị và chỉ đạo điều hành theo đúng điều lệ, quy chế, quy định nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản trị công ty.

*** Đối với các Công ty con:**

+ Lĩnh vực Khu công nghiệp (*Công ty CP PT KCN Tín Nghĩa, Công ty CP KCN Tín Nghĩa - Phương Đông*): Tập trung thực hiện thủ tục hồ sơ để chuyển đổi, bổ sung vào quy hoạch KCN của dự án Khu DVTM, Logistics và Khu TĐC xã lộ 25. Bên cạnh đó hoàn thành hồ sơ, trình phê duyệt mở rộng KCN Đất Đỏ 1.

+ Lĩnh vực sản xuất, chế biến (*Công ty CP Cà phê Tín Nghĩa, Công ty Donafoods, Công ty CP Tín Nghĩa - Lào*): Hoàn thiện công nghệ dây chuyền thiết bị sản xuất cà phê, ổn định chất lượng sản phẩm, mở rộng các kênh bán hàng, thị trường và khách hàng. Năm 2021, cố gắng không để lỗ. Đối với Công ty CP Tín Nghĩa (Lào), trong khi tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng, thoái vốn, cho phép thực hiện việc khoán chăm sóc vườn cây cho cán bộ nhân viên Công ty.

+ Lĩnh vực Xăng dầu (*Công ty CP Xăng dầu Tín Nghĩa, Công ty CP Tổng kho xăng dầu Phú Hữu*): Đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ pháp lý Dự án Tổng kho xăng dầu Phú Hữu (điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo ĐTM, thẩm duyệt thiết kế và đấu thầu thi công dự án). Tiếp tục mở rộng mạng lưới các trạm bán lẻ xăng dầu trong và ngoài tỉnh, năm 2021 cố gắng thực hiện từ 3 đến 5 trạm.

+ Lĩnh vực Bất động sản (*Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch, Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu, Công ty CP Phước Tân, Công ty CP KCN Tín Nghĩa – Phương Đông*): Tập trung hoàn thiện các thủ tục đầu tư để tiếp tục triển khai xây dựng dự án khu đô thị Đông Sài Gòn. Riêng Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu triển khai hoàn thành công tác xây dựng hạ tầng và kinh doanh. Công ty CP KCN Tín Nghĩa – Phương Đông có kế hoạch triển khai Khu dân cư Đất đỏ.

+ Lĩnh vực dịch vụ (*Công ty CP Logistics Tín Nghĩa, Công ty CP DNVTN Nhật Bản – JSC, Công ty CP QLDA Tín Nghĩa, Công ty CP DV Bảo vệ Tín Nghĩa*): Tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ, nâng cao uy tín công ty và sự tin nhiệm của khách hàng. Đa dạng hóa dịch vụ và các giá trị tăng thêm, hợp tác với nhiều đối tác để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên để thảo luận, cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (b/c)
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Lưu VT, P.KTTC, ĐTPT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 142/BC-HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016 - 2021
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 – 2026**

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016 – 2021**

Nhiệm kỳ 2016 – 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (dưới đây viết tắt là Tổng Công ty) đã chỉ đạo, định hướng phát triển Tổng Công ty với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm kế thừa, tiếp tục tăng trưởng ổn định, bền vững sau khi chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần.

Qua 5 năm thực hiện, Hội đồng Quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên những kết quả thực hiện được như sau:

I. Kết quả hoạt động của HĐQT

Hoạt động quản lý, chỉ đạo của HĐQT trong nhiệm kỳ qua đã mang lại những kết quả cụ thể trong việc thực hiện các mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thời gian qua như sau:

1. Về mục tiêu tổng quát:

+ Theo định hướng phát triển 2016 – 2021, mục tiêu đặt ra là phát triển ổn định, bền vững bốn lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty. Rà soát, đánh giá lại quá trình thực hiện cho thấy vẫn còn những hạn chế. Ngoài lĩnh vực đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN (doanh số tăng, lợi nhuận cao), các lĩnh vực còn lại: Xuất khẩu cà phê, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh hàng hoá, nguyên liệu sản xuất và lĩnh vực logistics không đạt được mục tiêu. Doanh thu các lĩnh vực này không ổn định, có năm tăng, có năm giảm và lợi nhuận có xu hướng giảm dần.

+ Tiếp tục giữ vững thứ hạng trong Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam là mục tiêu cũng được đặt ra cho giai đoạn 2016 – 2021, nhưng trong 5 năm qua thứ hạng này luôn thay đổi và không giữ vững được trong top 100. (Năm 2016 đứng thứ hạng 110; Năm 2017: 90; Năm 2018: 124; Năm 2019: 112; Năm 2020: 155).

+ Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông là mục tiêu quan trọng nhất nhưng trong 5 năm qua (2016 – 2021) mục tiêu này cũng không đạt được kỳ vọng. Năm 2016:

7%, năm 2017: 10%, năm 2018: 5% (ứng), năm 2019: không có cổ tức, năm 2020: Chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

2. Về các chỉ tiêu cụ thể

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016 - 2021	Thực hiện 2016 - 2021
Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng/năm	9.000 – 15.000	8.752
Cổ tức tối thiểu hàng năm	%	10%	4,4%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD/năm	250	131
Nộp ngân sách hàng năm (Công ty Mẹ)	Tỷ đồng/năm	60 - 100	162

Qua biểu số liệu trên, cho thấy các chỉ tiêu cụ thể của giai đoạn 2016 - 2021 thực hiện được rất thấp so với kế hoạch, riêng chỉ tiêu nộp ngân sách vượt nổi trội.

3. Về thực hiện các giải pháp cụ thể

3.1. Phát triển kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp và Bất động sản:

+ Trong 5 năm (2016 - 2021), đã ký hợp đồng cho thuê được 207,9 ha đất (KCN An Phước 84,68 ha; KCN Ông Kèo 68,97 ha; KCN Tân Phú 16,87 ha; KCN Nhơn Trạch 3: 37,35 ha).

Đến nay, KCN An Phước, Tân Phú, Nhơn Trạch 3 - giai đoạn 2 đã lấp đầy diện tích cho thuê. Công tác đền bù, thu hồi đất, thi công hạ tầng tại KCN Ông Kèo không thể hoàn thành để cho thuê 90% như giải pháp đã đề ra. Khu công nghiệp Đất Đỏ 1 đầu tư hạ tầng đạt 70% nhưng tỷ lệ lấp đầy đạt 35%.

+ Đối với lĩnh vực bất động sản: Các dự án lớn như Khu đô thị Đông Sài Gòn, Khu dân cư Cù lao Tân Vạn được tập trung đầu tư phát triển và các thủ tục pháp lý. Đến cuối năm 2020, Khu đô thị Đông Sài Gòn vẫn còn hơn 150 ha chưa đền bù, phần diện tích đã đền bù xong đang thi công hạ tầng. Khu dân cư Cù lao Tân Vạn cơ bản đã hoàn thành xong các thủ tục pháp lý và đầu tư hạ tầng, đang thực hiện tiếp các thủ tục để đủ điều kiện bán sản phẩm dự án.

Trong 5 năm qua, phát triển thêm Khu dân cư Đất Đỏ (100 ha), Khu dân cư Phước Tân (hơn 150 ha) cũng đã triển khai 35 ha, hoàn tất đầu tư và kinh doanh Khu dân cư Quang Vinh.

3.2. Phát triển hoạt động kinh doanh nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và xuất nhập khẩu:

Trong 5 năm qua, kinh doanh nông sản chủ yếu là xuất khẩu cà phê. Đã xuất khẩu và bán nội địa 401.629 tấn, bình quân 80.326 tấn/năm, kim ngạch xuất khẩu 657 triệu USD, bình quân 131 triệu USD/năm.

Các năm 2019, 2020, sản lượng xuất khẩu cà phê chỉ đạt bình quân trên 70.000 tấn/năm, thấp so với mục tiêu. Tuy nhiên, Tổng Công ty thường xuyên duy trì được thứ hạng trong Top 5 các nhà xuất khẩu cà phê hàng đầu Việt Nam và liên tục được Bộ Công thương công nhận là đơn vị xuất khẩu uy tín.

Các mặt hàng thức ăn chăn nuôi và nhập khẩu mặt hàng thép, than đá,... khó mở rộng quy mô và không hiệu quả nên đã ngưng thực hiện.

3.3. Phát triển hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Xăng dầu là lĩnh vực được kỳ vọng tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2016 - 2021, sẽ là lĩnh vực đồng hành cùng lĩnh vực xuất khẩu cà phê để giữ doanh thu Tổng Công ty ở mức cao. Vì vậy, trong giai đoạn này mục tiêu lĩnh vực xăng dầu được đặt ra là tăng trưởng bình quân hàng năm 15%, sản lượng hàng năm tăng từ 240 triệu lít – 280 triệu lít. Thực tế 5 năm qua, lĩnh vực xăng dầu vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm không đạt, sản lượng tiêu thụ chỉ được gần 185 triệu lít/năm, thấp hơn mức kỳ vọng. Tuy vậy, doanh thu từ xăng dầu đã góp phần lớn vào mục tiêu duy trì quy mô doanh nghiệp và kinh doanh xăng dầu luôn mang lại hiệu quả.

Giải pháp quan trọng để làm động lực tăng trưởng cho kinh doanh xăng dầu là phát triển mạng lưới bán lẻ. Theo định hướng 5 năm (2016 - 2021), số trạm xăng phải được đầu tư, mua lại để nâng tổng số trạm lên 100 vào cuối năm 2020. Tuy nhiên, việc thực hiện không đạt được như mục tiêu. Đầu năm 2016, số trạm xăng toàn Tổng Công ty là 44 (gồm cả Công ty CP Xăng dầu Tín Nghĩa), đến cuối năm 2020 số trạm toàn Tổng Công ty là 52, chỉ đạt 52% mức đề ra.

Theo kế hoạch, Tổng kho xăng dầu Phú Hữu phải hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động từ cuối năm 2018. Thực tế đến nay, dự án vẫn chưa xong các thủ tục để đầu tư và xây dựng.

3.4. Phát triển hoạt động kinh doanh logistics

Xây dựng hoàn chỉnh và khai thác Cảng tổng hợp Phú Hữu vào cuối năm 2020 là mục tiêu nhằm đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh logistics của Tổng Công ty Tín Nghĩa. Tuy nhiên, đến nay do vướng các thủ tục pháp lý, việc triển khai đầu tư, công tác bồi thường của dự án Cảng tổng hợp Phú Hữu vẫn còn rất chậm. Các công việc đã thực hiện của dự án: Hoàn tất hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án, trình Thủ tướng phê duyệt; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; Công tác thỏa thuận bồi thường thực hiện được 12,6ha/34,5 ha (đạt 36,3%).

Bên cạnh việc đầu tư Cảng tổng hợp Phú Hữu, Tổng Công ty còn xác định giai đoạn 2016 – 2020 phải đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kho bãi, kho ngoại quan và nhà xưởng cho thuê ở Nhơn Trạch để làm nền tảng phát triển các dịch vụ logistics hiện tại cho ICD Biên Hoà. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện không như mong đợi. Với diện tích 14 ha trong KCN Nhơn Trạch 3 – giai đoạn 2, ICD Biên Hoà mới xây dựng

được 4 kho (hơn 3,7 ha), còn 2 kho (4,1 ha) đang triển khai thi công, tổng số đạt 56% diện tích.

Mục tiêu hợp tác với Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để đầu tư Tổng kho Miền Đông trong vùng sân bay Long Thành đã được đặt ra nhưng không triển khai được.

3.5. Nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực được xem là giải pháp quyết định để thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng và ổn định của Tổng Công ty. Trong giai đoạn 2016 – 2021 xác định trước tiên là sắp xếp, bố trí lại đội ngũ nhân sự hiện hữu, tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng và đào tạo nâng cao, kết hợp tuyển dụng người có năng lực, có kinh nghiệm để bổ sung cho các bộ phận thiếu và yếu.

Trong 5 năm (2016 - 2021), đã bổ nhiệm: 59 trường hợp, thực hiện sắp xếp, luân chuyển 42 lượt cán bộ cho các vị trí, đơn vị và thực hiện 64 khoá đào tạo, bồi dưỡng. Công tác tuyển dụng được thực hiện với chính sách chọn lựa nhân sự có chuyên môn tốt, người nước ngoài, mức lương cao. Chi phí đào tạo và những chi phí liên quan trong giai đoạn này gần 9,5 tỷ đồng, bình quân 1,9 tỷ đồng/năm, nhưng có xu hướng giảm dần ở các năm sau.

Qua 5 năm thực hiện có thể nói công tác sắp xếp, luân chuyển, bổ nhiệm, tuyển dụng nhân sự chưa tạo ra được chuyển biến, đóng góp chưa đáng kể để hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng và ổn định.

3.6. Tập trung nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư

Sau cổ phần hoá với kỳ vọng tạo sự tăng trưởng bền vững cho những năm sau nên HĐQT Tổng Công ty đã quan tâm đến việc đẩy nhanh tiến độ các dự án: Đền bù và xây dựng hạ tầng KCN Ông Kèo; Đền bù và xây dựng Khu đô thị Đông Sài Gòn; Xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Đất Đỏ 1; Triển khai đầu tư và kinh doanh khu Cù lao Tân Vạn; Hoàn thành xây dựng Nhà máy cà phê hoà tan; Xây dựng tổng kho xăng dầu Phú Hữu; Xây dựng và mua lại các trạm xăng; Bồi thường các dự án Cảng tổng hợp Phú Hữu, khu du lịch đô thị Đại Phước... Với danh mục dự án như trên cùng với tiến độ triển khai đúng kế hoạch thì nhu cầu vốn rất lớn.

Đối với các dự án của Công ty Mẹ, trong 5 năm qua đã huy động từ cổ đông 442 tỷ đồng (tăng vốn điều lệ từ 1.558 tỷ lên 2.000 tỷ đồng); vay trung hạn: 672 tỷ đồng; nguồn khác: 66 tỷ đồng. Thực tế các dự án không phải triển khai đồng loạt, tiến độ triển khai từng dự án chậm nên với những nguồn vốn trên vẫn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Nếu tính chung toàn Tổng Công ty trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, tổng số vốn huy động cho các dự án là 5.365 tỷ (từ ngân hàng: 4.208 tỷ, nguồn khác: 1.157 tỷ). Riêng 2 năm 2019, 2020, số vốn huy động cho dự án hơn 3.600 tỷ, chiếm tỷ trọng gần 68% tổng mức huy động trong 5 năm.

Do chi phí đầu tư phát sinh trước khi dự án có đủ điều kiện vay vốn, phát hành trái phiếu nên hầu hết các dự án Tổng Công ty đều phải ứng trước từ nguồn

vốn kinh doanh tạm thời. Tuy nhiên, thực trạng này được khắc phục dần. Đầu năm 2016, số mất cân đối nguồn vốn dài hạn và ngắn hạn là 300 tỷ đồng. Cuối năm 2020 tình trạng này đã chấm dứt.

4. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 2021

Đối chiếu những kết quả làm được trong 5 năm qua với những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 2021 có thể đánh giá chung là nhiều việc quan trọng đã đề ra nhưng thực hiện chưa được như mong đợi. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

4.1. Khách quan:

(1) Kinh tế thế giới và thị trường toàn cầu luôn biến đổi khó lường. Những mất hàng kinh doanh của Tổng Công ty như cà phê xuất khẩu, xăng dầu bị tác động nhanh và hậu quả tức thời khi thị trường thế giới diễn biến xấu.

(2) Luật đầu tư, Luật xây dựng, Luật đất đai và các chính sách liên quan đến đất đai có nhiều thay đổi, giá cả bất động sản tăng làm cho việc xin giao đất, bồi thường, chuyển nhượng và triển khai dự án trên đất gặp nhiều khó khăn, thường xuyên chậm tiến độ. Thực trạng trong 5 năm qua Tổng Công ty không mở rộng thêm được KCN; phát triển mạng lưới xăng dầu chậm chạp; công tác bồi thường trong KCN Ông Kèo, Khu đô thị Đông Sài Gòn, Khu dân cư Phước Tân...chậm trễ chủ yếu là do nguyên nhân này.

(3) Các thủ tục đầu tư, thủ tục pháp lý phức tạp, chồng chéo và việc xử lý của các Cơ quan Nhà nước chậm chạp làm cho Tổng Công ty bỏ lỡ nhiều cơ hội.

(4) Từ đầu năm 2020, dịch Covid - 19 bùng phát và trở thành đại dịch trên thế giới, gây thiệt hại nhiều mặt cho các nước, tăng trưởng kinh tế âm, thị trường hàng hoá ảm đạm, các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy....đã tác động rất lớn đến hầu hết các lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như xuất khẩu cà phê, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ logistics, thu hút đầu tư nước ngoài vào các KCN.

4.2. Chủ quan:

(1) Thiếu quyết liệt trong chỉ đạo thực thi nhiệm vụ. Dù xem lĩnh vực KCN là hiệu quả, cần phát triển nhưng trong 5 năm qua không mở rộng được diện tích KCN. Dù đặt mục tiêu phát triển 100 trạm xăng đến hết năm 2020 nhưng thiếu các giải pháp cụ thể để xử lý khi gặp khó khăn, đặc biệt trách nhiệm của những người được giao nhiệm vụ.

(2) Thiếu nguồn thông tin gốc, khả năng dự báo thị trường chưa tốt nên việc kinh doanh để tăng doanh thu từ các mặt hàng: Sắt thép, Thức ăn chăn nuôi... không có hiệu quả. Mặt hàng cà phê xuất khẩu với số lượng không ổn định dù có nhiều kinh nghiệm, hiệu quả không cao cũng xuất phát từ khả năng phân tích, dự báo thị trường quốc tế.

(3) Thiếu đội ngũ giỏi nghề, hiểu biết nghề cũng là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh. Ngoại trừ lĩnh vực KCN, kinh doanh xăng dầu, xuất khẩu cà phê có được bề dày phát triển với đội ngũ kinh nghiệm, các lĩnh vực còn lại: đầu tư phát triển, tài chính, dịch vụ logistics, sản xuất chế biến, bất động sản vẫn chưa có được chất lượng nhân sự đồng đều như mong muốn. Những khó khăn của các đơn vị dịch vụ, sản xuất, chế biến hiện nay cũng xuất phát từ thiếu đội ngũ giỏi nghề, hiểu biết nghề.

(4) Đội ngũ nhân sự chưa chuẩn bị kịp thời cho định hướng phát triển cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư nên ảnh hưởng không nhỏ đến thành công các dự án. Công tác đào tạo phần lớn chủ yếu là bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ngắn hạn. Đội ngũ nhân sự bên trong thiếu phải tuyển dụng từ bên ngoài nhưng qua thực tế nguồn nhân sự bên ngoài (tuyển từ vị trí cao đến trung gian) vẫn không phát huy được năng lực, hiệu quả công việc không như mong muốn.

(5) Nguồn lực tài chính chưa đủ mạnh, chưa vững chắc là nguyên nhân quan trọng nhất ảnh hưởng đến thực hiện chiến lược phát triển nhanh, ổn định. Nhiều năm qua Tổng Công ty phát triển đều dựa vào nguồn vốn tín dụng là chính, sử dụng công cụ đòn bẩy để có vốn kịp thời cho nhu cầu đầu tư và kinh doanh. Thực tế những năm qua lợi nhuận của Tổng Công ty không cao, thiếu ổn định, nguồn tự tích lũy không nhiều nên ảnh hưởng đáng kể đến mục tiêu mở rộng quy mô phát triển.

II. Hoạt động của HĐQT

Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ (2016 - 2021) tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tập trung vào công tác chỉ đạo, xây dựng các mục tiêu chiến lược, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, thực hiện phân công phân nhiệm giữa các thành viên, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và hiệu quả trong tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Nhân sự Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ

Về nhân sự Hội đồng quản trị, số thành viên Hội đồng quản trị đầu nhiệm kỳ là 05 người, trong nhiệm kỳ có sự thay đổi, miễn nhiệm, bầu bổ sung, thay thế qua các kỳ Đại hội hàng năm. Đến Đại hội cổ đông năm 2020, bổ sung thêm 2 thành viên, nâng tổng số thành viên lên 07 người, trong đó, có một thành viên độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021 và diễn biến thay đổi như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đặng Thị Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	10/6/2019	
2	Quách Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	12/5/2016	10/6/2019
		Phó Chủ tịch HĐQT	10/6/2019	
3	Huỳnh Bích Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	20/4/2018	12/6/2020
4	Lê Hữu Tịnh	Phó Chủ tịch HĐQT	12/5/2016	10/6/2019
		Thành viên HĐQT	10/6/2019	
5	Lê Văn Danh	Thành viên HĐQT	12/5/2016	
6	Huỳnh Phú Kiệt	Thành viên HĐQT	12/5/2016	20/4/2018
7	Nguyễn Hải Tâm	Thành viên HĐQT	12/5/2016	20/4/2018
8	Thái Văn Chuyện	Thành viên HĐQT	20/4/2018	19/4/2019
9	Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	19/4/2019	12/6/2020
10	Nguyễn Thành Đạt	Thành viên HĐQT	12/6/2020	
11	Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	12/6/2020	
12	Trần Ngọc Thơ	Thành viên HĐQT độc lập	12/6/2020	

2. Tổng kết các cuộc họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị

Năm	Số phiên họp HĐQT	Số Nghị quyết/ Quyết định đã ban hành
2016	04 phiên họp (04 phiên họp định kỳ)	10
2017	17 phiên họp (03 phiên họp định kỳ + 14 phiên họp bất thường)	48
2018	18 phiên họp (04 phiên họp định kỳ + 14 phiên họp bất thường)	64

2019	18 phiên họp (04 phiên họp định kỳ + 14 phiên họp bất thường)	118
2020	12 phiên họp (04 phiên họp định kỳ + 08 phiên họp bất thường)	60
Tổng cộng	69 phiên họp	300

- Các phiên họp Hội đồng quản trị đều được triệu tập đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc đa số và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các biên bản họp và nghị quyết của HĐQT có nội dung phải công bố đều được công bố công tin theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Hầu hết các thành viên HĐQT đều tham gia hoặc ủy quyền tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đóng góp cho hoạt động quản trị công ty.

- Các nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị ban hành đều được Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban, Đơn vị và công ty thành viên của Tổng Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực và phù hợp với những mục tiêu Hội đồng quản trị Tổng Công ty đề ra.

3. Đánh giá chung về Hội đồng quản trị

- Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021 tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tập trung vào công tác chỉ đạo, xây dựng các mục tiêu chiến lược, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, thực hiện phân công phân nhiệm giữa các thành viên, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và hiệu quả trong tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, các hoạt động được triển khai thông qua việc tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường; hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Trong các cuộc họp, HĐQT đã thảo luận, đóng góp ý kiến, biểu quyết thông qua và ban hành các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo đối với các hoạt động của Tổng Công ty một cách kịp thời, bám sát định hướng chiến lược phát triển Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 2021.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các kỳ Đại hội cổ đông thường niên một cách thành công, đảm bảo đúng thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật và Điều lệ

Tổng Công ty. HĐQT triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ một cách nghiêm túc, hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng theo Nghị quyết.

- HĐQT đã tập trung, chỉ đạo sâu sát công tác tổ chức bộ máy và công tác nhân sự trong toàn Tổng Công ty.

- Về hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành Tổng Công ty, HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã xây dựng và ban hành Quy chế Người đại diện. Việc triển khai thực hiện Quy chế này đã giúp HĐQT tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý đối với hoạt động đầu tư tài chính và quản lý nhân sự đại diện tại các công ty con, công ty liên kết.

- Tiền lương, thù lao và các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

Hiện tại, Hội đồng quản trị Tổng Công ty gồm 7 thành viên, trong đó, có 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Tổng Công ty. Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các chủ trương quan trọng tại Tổng Công ty. Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các buổi họp giao ban đầu tuần của Ban Tổng Giám đốc, tham dự các buổi họp giao ban định kỳ với Ban điều hành các công ty con, công ty liên kết và các phòng ban.

- Các thành viên Hội đồng quản trị khác hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công, có những đóng góp tích cực, thiết thực đối với hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2021).

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2026

I. Nhận định tình hình

1. Bối cảnh quốc tế

Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh rất phức tạp, gay gắt; Chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên; Đặc biệt, đại dịch Covid-19 gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài những năm sau. Tăng trưởng kinh tế thế giới và hoạt động thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy và chuyển dịch đến những quốc gia ổn định; Nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng.

Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển.

Dù vậy vẫn xuất hiện nhiều nhân tố tích cực hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Đó là: (i) Chương trình tiêm vaccine ngừa Covid – 19 đang triển khai tích cực tại nhiều quốc gia và bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan; (ii) Căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có tín hiệu giảm nhiệt; (iii) Kinh tế Châu Âu sẽ sang trang mới khi thoả thuận thương mại song phương sau Brexit giữa Anh và EU đã chính thức được ký kết; (iiii) Một số nền kinh tế mới nổi, đặc biệt tại khu vực Châu Á, đã phục hồi mạnh mẽ nhờ vào sự tăng tốc của thương mại nội khối. Trong đó, một thoả thuận thương mại khu vực giữa 15 nước APEC đã được ký kết bằng Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RECEP) vào tháng 11/2020 sẽ tiếp thêm sức mạnh cho thương mại nội khối trong toàn khu vực vào năm 2021 và những năm tới.

2. Tình hình đất nước

Hiện nay, quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; tính tự chủ của nền kinh tế nước ta được nâng cao; Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, độ mở nền kinh tế ngày càng lớn và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro; trình độ khoa học, công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; Các yếu tố an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... dự báo diễn biến khó lường, ngày càng tác động, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống. Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực, kéo dài.

3. Tình hình Tổng Công ty

Từ năm 2016 đến 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty có những xu hướng chững lại. Mức tăng trưởng không đạt như kỳ vọng, lợi nhuận giảm dần. Kết quả này cũng làm hạn chế sức bật cho những năm sau.

Nguồn thu từ cho thuê hạ tầng KCN không tăng trưởng thêm do KCN Ông Kèo đền bù chưa xong, phát triển KCN mới gặp nhiều khó khăn. Kinh doanh xuất khẩu cả phê nhân ‘trôi, sụt’ theo biến động của thị trường. Các lĩnh vực khác: Kinh doanh xăng dầu, logistics, kinh doanh bất động sản,... cũng chưa tạo được doanh thu đột biến. Nhiều năm qua số lượng trạm xăng bán lẻ vẫn được xây dựng thêm hoặc mua lại nhưng không đáng kể, hoạt động logistics chỉ mới tập trung những dịch vụ truyền thống, hoạt động thương mại nhập khẩu mang tính nhất thời theo tín hiệu thị trường nên quy mô tăng không đáng kể.

Tổng Công ty có nhiều dự án triển khai chậm vì những vướng mắc về thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, chưa thể tạo ra doanh thu tăng thêm.

Nguồn tài chính vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh nhưng chưa đủ tiềm lực nội tại để tham gia phát triển dự án mới cũng như khả năng đối ứng vốn với các nguồn vốn tín dụng cần cho nhu cầu phát triển.

Sau 5 năm cổ phần hoá, hoạt động của Công ty theo loại hình công ty cổ phần cũng có những chuyển biến trong nhận thức, tư duy, trong cung cách quản trị, điều hành công ty nhưng với yêu cầu phát triển doanh nghiệp hiện tại và sắp tới còn rất nhiều việc phải làm.

II. Định hướng phát triển

Với những đánh giá giai đoạn 2016 - 2021, những phân tích, nhận định như trên, HĐQT Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa xác định: *Giai đoạn 2021 - 2026 phải ưu tiên phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả ở các lĩnh vực hoạt động chính ở Công ty Mẹ và các Công ty thành viên. Ưu tiên đầu tư vào các dự án gắn với các lĩnh vực, ngành nghề chính của Tổng Công ty. Luôn đặt lợi ích cổ đông gắn liền với quá trình đầu tư mở rộng quy mô phát triển của Tổng Công ty. Đảm bảo đời sống người lao động, quan tâm nhiều hơn đến đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.*

III. Các mục tiêu tổng quát

- Tổng doanh thu hợp nhất bình quân hàng năm tối thiểu 10.000 tỷ đồng. Phân đầu đến năm 2026 được xếp trong Top 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Từ năm 2021 đến 2023, duy trì mức tăng trưởng để tạo sức bật cho các năm sau.

- Kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm đạt từ 180 triệu USD đến 200 triệu USD. Duy trì thứ hạng trong Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cả phê hàng đầu Việt Nam.

- KCN Ông Kèo hoàn thành sớm công tác đền bù và lấp đầy diện tích cho thuê. Đồng thời tham gia đầu tư mới vào các Khu công nghiệp theo quy hoạch bổ sung của Chính Phủ.

- Tích cực khai thác quỹ đất của các dự án hiện có và tìm kiếm, tạo thêm quỹ đất mới cho các dự án bất động sản để triển khai xây dựng và kinh doanh. Xem xét không đầu tư dàn trải các dự án ngoài lĩnh vực, ngành nghề chính.

- Cổ tức hàng năm tối thiểu 7%.
- Thực hiện niêm yết cổ phiếu Tổng Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

IV. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục phát triển kinh doanh hạ tầng KCN và bất động sản

- Đến hết năm 2025, thực hiện đền bù, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và cho thuê lấp đầy diện tích đất KCN Ông Kèo.
- Hoàn thành việc xin phép mở rộng KCN Đất Đỏ và triển khai đền bù, xây dựng hạ tầng.
- Thực hiện xong thủ tục bổ sung quy hoạch KCN của dự án Khu thương mại, dịch vụ logistics Xã lộ 25. Thực hiện đền bù và xây dựng hạ tầng để đưa dự án vào hoạt động kinh doanh.
- Hoàn tất công tác bồi thường giai đoạn 2 (120 ha) của dự án Khu dân cư Phước Tân, thực hiện xong các thủ tục đầu tư, xây dựng và kinh doanh từng phần.
- Triển khai hoàn chỉnh thiết kế và tổ chức thi công, xây dựng dự án Khu dân cư Đất Đỏ (100 ha).
- Tiếp tục công tác bồi thường và xây dựng hạ tầng theo quy hoạch, thực hiện thi công từng tiểu khu tại Khu đô thị Đông Sài Gòn.

2. củng cố, tạo chuyển biến tích cực trong lĩnh vực xuất khẩu cà phê nhân và cà phê chế biến

- Ưu tiên các giải pháp để khắc phục tình trạng thua lỗ Công ty Cà phê Tín Nghĩa ngay trong năm 2021. Tập trung hàng đầu vào công tác marketing, bán hàng để đạt sản lượng đạt 100% công suất thiết kế nhà máy.
- Tiếp tục ưu tiên nguồn vốn lưu động để đẩy mạnh xuất khẩu cà phê nhân, tạo doanh thu cho mục tiêu tăng trưởng, kết hợp giữa Công ty Mẹ và Công ty TNHH Tín Nghĩa Commodities bán hàng trực tiếp cho Nhà rang xay quốc tế.

3. Phát triển hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Đẩy mạnh sản lượng bán buôn và bán lẻ, sản lượng tiêu thụ bình quân hàng năm từ trên 200 triệu lít đến 220 triệu lít.
- Hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa Tổng kho xăng dầu Phú Hữu đi vào kinh doanh và tham gia hoạt động logistics xăng dầu.
- Tập trung vào nhiệm vụ phát triển mạng lưới xăng dầu. Đến cuối năm 2025 phấn đấu phát triển lên đến 60 - 65 trạm.

4. Đẩy mạnh dịch vụ logistics

- Ưu tiên mở rộng phạm vi hoạt động, quy mô kinh doanh logistics, ngoài dịch vụ hiện có phải triển khai thêm những dịch vụ khác.

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kho bãi, kho ngoại quan và nhà xưởng cho thuê ở Nhơn Trạch.

- Thực hiện nhanh các thủ tục đầu tư giai đoạn 1 Cảng tổng hợp Phú Hữu để kết nối với hoạt động logistics trong khu vực.

5. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực

- Tiếp tục sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, nhân viên kết hợp với việc đào tạo lại, huấn luyện kỹ năng và bồi dưỡng nâng cao để việc phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác.

- Định kỳ hàng năm đánh giá lại cán bộ căn cứ vào kết quả công việc, năng lực triển khai, đạo đức nghề nghiệp.

- Đào tạo nâng cao, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp với tìm kiếm, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài. Việc tuyển dụng tập trung vào nhân sự có tay nghề về logistics, quản lý dự án bất động sản, phân tích và dự báo.

6. Tạo nguồn lực tài chính mạnh để thực hiện các dự án đầu tư lớn

- Ưu tiên hàng đầu là tối ưu hoá việc sử dụng nguồn tài chính trong Tổng Công ty. Công ty Mẹ phải tập trung thu dứt điểm các khoản cho vay nội bộ cũng như huy động khoản vốn nhân rồi ở các Công ty con khi có nhu cầu cấp bách.

- Tiếp tục tái cấu trúc Tổng Công ty và giám sát chặt chẽ để không xảy ra tình trạng thua lỗ của các Công ty con. Từng Công ty con phải đủ năng lực để huy động tài chính, hạn chế tình trạng Công ty Mẹ thường xuyên hỗ trợ vốn cho Công ty Con.

- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các Ngân hàng, Quỹ đầu tư để đảm bảo nguồn cung tài chính (cho vay, mua trái phiếu, cho thuê tài chính...) để đền bù KCN Ông Kèo và các dự án: Khu thương mại, dịch vụ và logistics Xã lộ 25, Khu Trung tâm dịch vụ Hiệp Phước, Cảng tổng hợp Phú Hữu, Khu du lịch đô thị Đại Phước... và nhu cầu triển khai dự án mở rộng KCN Đất Đỏ, phát triển các KCN mới theo quy hoạch.

- Nghiên cứu, chuẩn bị phương án tăng vốn điều lệ Công ty Mẹ từ 2.000 tỷ (hiện tại) lên 3.000 tỷ đồng căn cứ vào yêu cầu thực hiện các dự án phát triển.

7. Nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản trị, điều hành

- Duy trì thực hiện có hiệu quả công cụ KPIs, kết hợp việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện giải pháp ERP cho Công ty Mẹ và một số Công ty Con đã ổn định mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh và ổn định tổ chức bộ máy.

- Hoàn thiện Điều lệ Tổng Công ty, các quy chế, quy định và nghiêm túc thực hiện. Thực hiện phân công và ủy quyền theo đúng chức năng, nhiệm vụ để phát huy năng lực chuyên môn cá nhân, của Ban điều hành các cấp nhằm giúp cho công tác quản trị, điều hành được thông suốt, minh bạch và gắn với trách nhiệm.

- Củng cố, hoàn thiện bộ máy Văn phòng HĐQT để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và giúp cho HĐQT hoạt động một cách chuyên nghiệp, tách bạch rõ chức năng quản trị và điều hành.

Trên đây là báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021 và định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2026.

Trình Đại hội thảo luận và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông (báo cáo);
- HĐQT, BKS (b/c);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Thị Thanh Hà

Số: *09* /BC-BKS

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2021

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020,

Ban kiểm soát báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng Công ty năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Thông tin về thành viên BKS năm 2020

Theo Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, Đại hội đồng cổ đông ngày 12/6/2020 đã bầu bổ sung 2 thành viên Ban KS là ông Trần Tấn Nhật - Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp và ông Nguyễn Quốc Kỳ - Thạc sỹ Luật để thay thế 2 thành viên xin miễn nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp thực hiện nhiệm vụ sau:

- Ban hành kế hoạch kiểm soát năm 2020, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và tổ chức thực hiện KH theo quy định.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng của Tổng Công ty.

- Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý; thẩm định BCTC năm 2020.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định của Tổng Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Kịp thời phát hiện và kiến nghị HĐQT về những hoạt động không phù hợp với quy định về quản trị doanh nghiệp.

- Tham gia điều hành hoạt động Kiểm toán Nội bộ của Tổng Công ty, để hỗ trợ công tác kiểm soát và công tác tham mưu cho Ban Tổng giám đốc.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (HĐSXKD) năm 2020

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/KH	Thực hiện/cùng kỳ
1. Tổng doanh thu	tỷ đ	4.000	3.417,5	85%	87%
2. Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	150	67,6	45%	163%
3. Cổ tức	%	10%			

Doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 85% kế hoạch và bằng 87% cùng kỳ. Lợi nhuận 67,6 tỷ đồng, đạt 45% kế hoạch và bằng 163% cùng kỳ. Trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động SXKD, (gọi tắt “Doanh thu”) chiếm 94% và lợi nhuận gộp 255 tỷ đồng (LNG), trong đó:

- Hoạt động kinh doanh hàng hóa (cà phê, thép...) doanh thu 2.627 tỷ đồng, bằng 81,6% Doanh thu, hoạt động này kinh doanh lợi nhuận gộp lỗ 32,1 tỷ đồng.

- Hoạt động cho thuê hạ tầng KCN doanh thu 276 tỷ đồng, bằng 8,6% Doanh thu, lãi gộp 161 tỷ đồng, chiếm 63% LNG.

- Hoạt động Kinh doanh bất động sản doanh thu 267 tỷ đồng, bằng 8,3% Doanh thu, lợi nhuận gộp 103 tỷ đồng, chiếm 40% LNG.

- Hoạt động dịch vụ, xây dựng, doanh thu 48,6 tỷ đồng, bằng 1,5% Doanh thu, lãi gộp 22,6 tỷ đồng, chiếm 8,9% LNG.

2. Giám sát thực hiện chi phí

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	SS 2020/2019
1	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	3,219,135	3,723,478	86%
2	<i>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</i>	<i>2,963,999</i>	<i>3,604,814</i>	<i>82%</i>
3	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	255,136	118,664	215%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	196,922	186,580	106%
5	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>154,250</i>	<i>112,157</i>	<i>138%</i>
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	60,250	64,226	94%
6	<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>51,976</i>	<i>52,785</i>	<i>98%</i>
7	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>154,656</i>	<i>97,941</i>	<i>158%</i>
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	91,175	42,361	215%
9	Thu nhập khác	1,456	8,903	16%
10	<i>Chi phí khác</i>	<i>7,498</i>	<i>8,656</i>	<i>87%</i>
11	(Lỗ)/lợi nhuận khác	6,042	247	-2444%

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	SS 2020/2019
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85,133	42,609	200%
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	67,602	41,410	163%

Như đã nêu trên, hoạt động kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn, doanh thu giảm so với năm 2019, theo đó tình hình thực hiện chi phí năm 2020 so với năm 2019 như sau:

Giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, chi phí khác giảm so với cùng kỳ. Một số khoản mục chi phí tăng so với năm 2019 gồm: Chi phí tài chính tăng 38%, liên quan khoản lỗ các công ty con, phải trích lập dự phòng đầu tư dài hạn 47,5 tỷ đồng. Chi phí quản lý DN tăng 58%, liên quan trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi 74 tỷ đồng. Tổng Công ty đã thực hiện đúng theo quy định hiện hành và quy chế Tổng Công ty.

3. Tình hình tăng giảm tài sản và vốn cổ đông:

*** Tình hình tăng giảm tài sản trong năm 2020**

Trong năm 2020, Tổng Công ty huy động và khai thác các nguồn lực đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh đầu tư, nhất là vốn cho kinh doanh xuất khẩu cà phê và đầu tư tại các Khu công nghiệp. Tổng Công ty bảo toàn vốn và có sự gia tăng về vốn chủ sở hữu tuy nhiên tổng giá trị tài sản giảm 644 tỷ đồng so với đầu năm 2020 là do:

- *Biến động về tài sản:*

+ Tài sản ngắn hạn giảm 302 tỷ đồng, chủ yếu giảm giá trị hàng tồn kho;

+ Tài sản dài hạn: giảm các khoản phải thu dài hạn 342 tỷ đồng; Đầu tư tài chính dài hạn giảm 131 tỷ đồng từ trích lập dự phòng 84,3 tỷ đồng và thoái 100% vốn Công ty Pelio 153 tỷ đồng và góp vốn Công ty Tổng kho xăng dầu Phú Hữu 73,3 tỷ đồng.

+ Tăng bất động sản đầu tư 280 tỷ đồng từ kết chuyển XDCCB dở dang và đầu tư tài sản trong năm.

- *Biến động về nguồn vốn:* Tổng Công ty trả nợ đến hạn 814 tỷ đồng.

Tình hình công nợ thời điểm 31/12/2020 so với đầu năm: Nợ ngắn hạn 1.080 tỷ đồng, giảm 43%; nợ dài hạn 3.852 tỷ đồng (gồm doanh thu nhận trước 3.366 tỷ đồng), tăng 24%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2020 (không bao gồm doanh thu nhận trước) là 59,4%.

*** Vốn cổ đông trong năm 2020**

Vốn chủ sở hữu đầu năm 2.568 tỷ đồng, cuối năm 2.634 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng (Hai ngàn tỷ đồng) không thay đổi; Vốn chủ sở hữu tăng 66 tỷ đồng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020. Trong năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020, Tổng Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 6,2 tỷ đồng và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 3,9 tỷ đồng.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH PwC Việt Nam thực hiện kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Các số liệu về chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh phản ánh trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty đến ngày 31/12/2020 như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Tổng tài sản	7.566.767	13.324.976
2	Tài sản ngắn hạn	1.621.452	2.391.669
3	Tài sản dài hạn	5.945.315	10.933.306
4	Nợ phải trả	4.932.279	10.150.707
-	Nợ ngắn hạn	1.080.116	2.117.248
-	Nợ dài hạn	3.852.162	8.033.458
7	Vốn chủ sở hữu	2.634.487	3.174.269
8	Kết quả hoạt động kinh doanh		
-	Doanh thu	3.417.510	7.609.729
-	Lợi nhuận sau thuế	67.601	73.745

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và thống nhất với ý kiến kiểm toán “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp.

5. Tình hình chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

Căn cứ NQ Đại hội đồng CĐ năm 2020 và kết quả HĐKD 2020 đã được kiểm toán, Ban KS báo cáo tình hình chi tiền lương, thù lao HĐQT và Ban KS như sau:

ĐVT: Đồng.

Nội dung	Nghị quyết ĐHCD 2020	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (được chi)	Đã chi	Còn lại chưa chi
Thù lao HĐQT, tiền lương BKS năm 2019 còn lại chưa chi				1.534.494.194
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	Tối đa 2% LNST	1.352.030.802 (67.601 x 2%)	2.166.000.000	(813.969.198)
Tiền lương thành viên		3.502.790.000	3.502.790.000	-

Nội dung	Nghị quyết ĐHCD 2020	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (được chi)	Đã chi	Còn lại chưa chi
HĐQT chuyên trách và Ban kiểm soát chuyên trách				
Tiền thưởng HĐQT, BKS	5% LNST vượt KH	-	-	-
Tổng cộng		4.854.820.802	5.668.790.000	720.524.996

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT thay thế cho 02 thành viên có đơn xin từ nhiệm. HĐQT đã thực hiện phân công thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2016 - 2021) phụ trách từng lĩnh vực hoạt động, đảm bảo yêu cầu quản trị của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc và các hoạt động của Tổng Công ty.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện. Trong năm, HĐQT Tổng Công ty ban hành 138 văn bản, nghị quyết. Các văn bản, nghị quyết được ban hành và quản lý lưu trữ đầy đủ theo quy định.

2. Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc

Tình hình nhân sự Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty năm 2020 ổn định, theo phân công nhiệm vụ, từng cá nhân trong Ban Tổng giám đốc đã chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT Tổng Công ty, trong đó:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai thực hiện đến các công ty con, đơn vị trực thuộc, phòng ban;

- Kịp thời ban hành và chỉnh sửa các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp theo quy định của Công ty cổ phần.

- Chủ động đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, kiểm soát chi phí và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện Nghị quyết HĐQT về góp vốn bổ sung và cử người đại diện phần vốn góp tại các công ty thành viên; chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ của Tổng Công ty; Thay đổi địa chỉ hoạt động của Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Tp. HCM; Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Trạm Xăng dầu Phước Bình; Thực hiện việc rút toàn bộ vốn Tổng Công ty tại Công ty CP XNK Xăng dầu Tín Nghĩa;

- Báo cáo và công bố thông tin kịp thời hàng tháng, quý, năm theo quy định đối

với công ty đại chúng quy mô lớn.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng và đóng góp ý kiến trong công tác quản trị điều hành của Tổng Công ty.

Các báo cáo của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty phản ánh số liệu và thông tin hoạt động của Tổng Công ty công khai minh bạch và đăng tải trên Website Tổng Công ty. Hoạt động công bố thông tin tuân thủ quy định và kịp thời.

Trong năm, hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

B. NHẬN XÉT KIẾN NGHỊ

Năm 2020, HĐQT và Ban điều hành Tổng Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công việc, thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành của mình, triển khai quyết liệt những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành đã thể hiện sự nỗ lực và linh hoạt trong chỉ đạo SXKD, phát huy được các nguồn lực hiện có của Tổng Công ty. Năm 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn từ đại dịch Covid 19 và cạnh tranh gay gắt của thị trường xong kết quả HĐKD đã phần nào đáp ứng mong muốn của cổ đông. Từ kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, BKS kiến nghị một số nội dung sau:

- Tập trung mọi nguồn lực, thực hiện tốt nhất các lĩnh vực hoạt động SX kinh doanh, đầu tư. Ưu tiên hơn cho các hoạt động kinh doanh TCty có ưu thế để gia tăng hiệu quả.

- Tiếp tục kiểm tra rà soát các hệ thống định mức phù hợp với thực tế SXKD để giảm chi phí hạ giá thành sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Giải quyết dứt điểm các công nợ khó đòi kéo dài, kể cả công nợ nội bộ.

- Đối với khoản đầu tư dài hạn tại công ty con cần áp dụng nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, hạn chế tối đa kinh doanh lỗ. Thực hiện việc thoái vốn dự án, công ty con và khoản mục đầu tư đã có chủ trương duyệt. Kiến nghị kịp thời Chủ sở hữu để nhận được sự hỗ trợ và giải quyết những khó khăn mà công ty gặp phải trong quá trình đầu tư, thoái vốn.

- Sau quá trình triển khai trong năm 2020, áp dụng đánh giá KPI và tiến tới sử dụng chính thức trong hệ thống Tổng Công ty. Khen thưởng kịp thời những bộ phận, phòng ban và cá nhân đạt thành tích trong thi đua lao động sản xuất.

C. KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2021

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và điều hành Tổng Công ty, BKS xác định lấy ngăn ngừa là mục tiêu chính trong hoạt động của mình, góp phần đảm bảo rằng các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ đúng quy định

và pháp luật; Góp phần HĐXSKD có hiệu quả và đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động. Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 cụ thể như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và các Nghị quyết, Quyết định trong công tác quản lý và điều hành Tổng Công ty đối với HĐQT và Ban điều hành;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty;

- Thực hiện soát xét BCTC hàng quý, thẩm định các báo cáo tài chính năm của công ty theo quy định;

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng Công ty;

- Thực hiện công tác kiểm tra giám sát hoạt động tại Tổng Công ty và các công tác khác khi cần thiết;

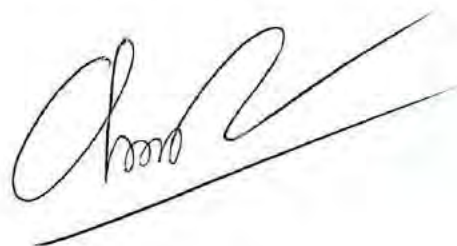
- Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác của BKS được Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của BKS quy định.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS Tổng Công ty Tín Nghĩa. Kính mong Quý Cổ đông đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD TCT;
- Lưu.



Lê Minh Chương

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ I (2016 - 2021)
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ II (2021 - 2026)**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát từ tháng 6 năm 2016 đến năm 2021,

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng Công ty nhiệm kỳ I (2016 - 2021) và định hướng nhiệm kỳ II (2021 - 2026) như sau:

A. HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ I (2016 - 2021)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG.

1. Thông tin về thành viên BKS nhiệm kỳ I (2016 - 2021)

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Lê Minh Chương	Trưởng ban	12/5/2016	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	
2	Nguyễn Quốc Kỳ	Thành viên	12/6/2020	Thạc sỹ luật	
3	Trần Tấn Nhật	Thành viên	12/6/2020	Cử nhân tài chính DN	
4	Trần Phạm Việt Hoàng	Thành viên	12/5/2016	Thạc sỹ Tài chính	Miễn nhiệm từ ngày 12/6/2020
5	Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	19/4/2019	Cử nhân Luật	Miễn nhiệm từ ngày 12/6/2020
6	Nguyễn Văn Triển	Thành viên	12/5/2016	Thạc sỹ kế toán	Miễn nhiệm từ ngày 19/4/2019

Theo Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, Đại hội đồng cổ đông ngày 19/04/2019 và ngày 12/6/2020 đã bầu bổ sung 3 thành viên BKS để thay thế 3 thành viên xin miễn nhiệm.

2. Hoạt động Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2016 - 2021)

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, hàng năm Ban

kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ:

- Ban hành Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.
- Ban hành kế hoạch kiểm soát năm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và tổ chức thực hiện kiểm soát theo quy định.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, dự họp giao ban Tổng Công ty hàng tháng.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý; thẩm định BCTC hàng năm.
- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định của Tổng Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Kịp thời phát hiện và kiến nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc về những hoạt động không phù hợp với quy định về quản trị doanh nghiệp.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, hoạt động của Ban Tổng giám đốc theo quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty.
- Tham gia ý kiến xây dựng quy chế quản lý, điều hành Tổng Công ty của HĐQT và Ban điều hành.
- Thực hiện công việc khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

*** Những tồn tại hạn chế:**

Trong nhiệm kỳ, BKS đã thực hiện theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động Ban kiểm soát, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Tuy nhiên còn một số tồn tại như:

- + Phần lớn kiểm soát viên còn kiêm nhiệm các công việc khác nên công tác nắm bắt thông tin phục vụ cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát nhiều khi không kịp thời, chưa đầy đủ.
- + Nhân sự là thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ không ổn định, việc xin từ nhiệm trong năm tài chính phải chờ Đại hội đồng cổ đông mới bầu bổ sung, dẫn tới ảnh hưởng tới kế hoạch kiểm soát trong năm.
- + Công tác kiểm tra giám sát chủ yếu tập trung về khía cạnh tài chính, kế toán mà chưa quan tâm đầy đủ tới khía cạnh khác như hoạt động đầu tư, nhân sự, tổ chức bộ máy...

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ I (2016 - 2021)

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Tổng Công ty thực hiện tuân thủ các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm trong nhiệm kỳ qua cụ thể:

- Chấp hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty phù hợp với hoạt động từng thời kỳ.
- Ban hành và sửa đổi các Quy chế, Quy định của Tổng Công ty.
- Tuân thủ các nội dung khác tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm như sau:
 - + Thực hiện trích lập quỹ và chi cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - + Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và cả năm.
 - + Trích lập thù lao HĐQT, BKS và thực hiện chi theo đúng quy định.
 - + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 V/v tăng vốn từ 1.558 tỷ đồng

lên 2.000 tỷ đồng, đối tượng chào bán cho cổ đông hiện hữu và CB-CNV. Số lượng cổ phần chào bán 44.200.000 cổ phần, trong đó 7.750.000 CP cho CB-CNV và 36.450.000 CP cho cổ đông hiện hữu. Trong năm 2018, HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã tích cực triển khai theo đúng quy định hiện hành, hoàn thành tăng vốn điều lệ.

+ Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (chi tiết mục 2).

* Một số nội dung thực hiện chưa hoàn thành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ban hành trong nhiệm kỳ I:

- Mặc dù HĐQT, Ban điều hành đã nỗ lực, quyết tâm để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, tuy nhiên kết quả kinh doanh nhiệm kỳ I chưa đạt theo kỳ vọng. Doanh thu đạt 23.957 tỷ đồng, tương ứng 81%/KH, lợi nhuận sau thuế 914 tỷ đồng, bằng 100% KH, tuy nhiên chỉ cổ tức năm 2018 - 2020 chưa thực hiện theo kế hoạch.

- Hiện nay cổ phiếu của Tổng Công ty đăng ký giao dịch trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, do chưa đạt đủ điều kiện quy định của UBCK dẫn đến chưa thể niêm yết trên sàn HNX hoặc sàn HoSe theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

- Việc thoái vốn một số dự án chưa thực hiện được do yếu tố giá cả không đạt như kỳ vọng.

- Vấn đề tạm ứng cổ tức (5%/mệnh giá 10.000đ) năm 2018, thực tế Công ty đã chi (99,4 tỷ đồng), chỉ còn số ít cổ đông chưa nhận, hiện nay chưa có NQ ĐHCĐ Theo đó, tổng số tiền cổ tức đã thực chi bằng tiền mặt được ghi nhận là một khoản phải thu lại từ các cổ đông.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm, tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, nhiệm kỳ I (2016 - 2021) như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhiệm kỳ I (2016 - 2021)		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT
Doanh thu	Tỷ đồng	29.600	23.957	81%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	913	914	100%
Cổ tức (%)	%	10%/năm		

Trong đó đánh giá tỷ lệ tăng trưởng năm sau so với năm trước của nhiệm kỳ I.

TT	Chỉ tiêu	6T/2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu (tỷ đồng)	4,542	5,862.4	6,216.5	3,919.0	3,417.4
2	TL tăng trưởng (%)		29%	6%	-37%	-13%
3	LN sau thuế (tỷ đồng)	111.5	361.7	332.2	41.4	67.6
4	TL tăng trưởng (%)		224%	-8%	-88%	63%

*** Nhận xét chung về kết quả HĐSXKD trong 5 năm:**

Giai đoạn đầu nhiệm kỳ, 6 tháng năm 2016, 2017 và năm 2018, Tổng Công ty luôn thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận được giao lần lượt 143%; 219% và 151%/KH. Doanh thu, lợi nhuận năm 2019 và 2020 giảm khá lớn và không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên trong đó chủ yếu do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 lây lan mức độ toàn cầu tác động ảnh hưởng rất lớn đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Chiến tranh thương mại giữa một số nước có nền kinh tế lớn tiếp tục gia tăng, làm trì trệ thêm thị trường hàng hoá, tiền tệ thế giới đã tác động ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế trong nước và hoạt động của Tổng Công ty. Hoạt động kinh doanh xăng dầu, xuất khẩu cà phê của Tổng Công ty và lĩnh vực chế biến nông sản thực phẩm tiếp tục lỗ, có công ty con lỗ lớn, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận chung. Tuy nhiên, HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty đã nhận thức rõ và tập trung giải quyết các khó khăn, thực hiện hàng loạt các giải pháp hạn chế tối đa thiệt hại lợi ích cổ đông, đảm bảo HĐKD không lỗ. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông nhiệm kỳ I (từ tháng 6/2016 đến 31/12/2020) doanh thu đạt 81% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 100% KH.

3. Tình hình tăng giảm vốn và cổ đông:

Trong nhiệm kỳ I, tình hình biến động vốn và cổ đông Tổng Công ty như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.523	1.928	2.532	2.568	2.634
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.452	1.558	2.000	2.000	2.000
3	Tổng số cổ đông	Cổ đông	326	326	326	357	337
-	Tổ chức	Cổ đông	06	06	06	08	04
-	Thế nhân	Cổ đông	320	320	320	349	333

Quá trình sử dụng vốn cho đầu tư, hoạt động kinh doanh, vốn chủ sở hữu luôn được bảo toàn và gia tăng hàng năm. Vốn chủ sở hữu cuối nhiệm kỳ tăng so với đầu nhiệm kỳ 1.111 tỷ đồng, tương ứng 73%. Trong đó vốn điều lệ tăng 442 tỷ đồng, còn lại gia tăng từ hiệu quả HĐSXKD từ các khoản mục lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển và thặng dư cổ phần.

Trong nhiệm kỳ, đến thời điểm 31/12/2020 tình hình cổ đông Tổng Công ty khá ổn định, cổ đông tổ chức 4 cổ đông, sở hữu 166.544.802 cổ phần, bằng 83,3%; cổ đông thể nhân 333 cổ đông, sở hữu 33.455.198 cổ phần bằng 16,7%.

4. Thẩm định báo cáo tài chính

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trong nhiệm kỳ I, Tổng Công ty chọn đơn vị trong danh sách UBCKNN chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm. BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu. Kết quả thẩm định trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Kết quả báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và các tài liệu theo quy định của UBCK nhà nước được Tổng Công ty công bố thông tin định kỳ.

5. Tình hình thực hiện chi thu lao, tiền lương HĐQT, Ban kiểm soát

Tổng Công ty thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm về chi thù lao, tiền lương, thưởng của HĐQT, BKS. Trong nhiệm kỳ I, tình hình chi thù lao, tiền lương, thưởng của HĐQT, BKS như sau:

Nội dung	Nghị quyết ĐHCĐ	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (được chi)	Đã chi	Còn lại chưa chi
Thù lao HĐQT, BKS		18.289.338.075	11.998.470.755	6.290.867.320
Năm 2016	Tối đa 2% LNST	2.230.644.624	1.397.320.370	833.324.254
Năm 2017	Tối đa 2% LNST	7.234.564.354	2.497.546.285	4.737.018.069
Năm 2018	Tối đa 2% LNST	6.643.893.197	2.685.554.000	3.958.339.197
Năm 2019	Tối đa 2% LNST	828.205.097	3.252.050.100	(2.423.845.003)
Năm 2020	Tối đa 2% LNST	1.352.030.802	2.166.000.000	(813.969.198)
Tiền thưởng HĐQT, BKS		28.635.777.881	7.805.000.000	20.830.777.881
Năm 2016	<=10% LNST vượt KH	3.353.223.118	580.000.000	2.773.223.118
Năm 2017	<=10% LNST vượt KH	19.672.821.770	2.900.000.000	16.772.821.770
Năm 2018	<=5% LNST vượt KH	5.609.732.993	4.325.000.000	1.284.732.993
Năm 2019	<=10% LNST vượt KH		-	-
Năm 2020	5% LNST vượt KH		-	-
Tiền lương thành viên HĐQT CT và BKS CT		3.502.790.000	3.502.790.000	-
Năm 2020	Từ quỹ lương	3.502.790.000	3.502.790.000	-
Tổng cộng		50.427.905.956	23.306.260.755	27.121.645.201

Thực chi thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã chi trong nhiệm kỳ (2016 - 2021), số tiền là 23.306.260.755 đồng (*bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm năm mươi lăm đồng*).

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD NHIỆM KỲ I (2016 - 2021).

1. Giám sát hoạt động Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi, miễn nhiệm, bầu bổ sung, thay thế qua các kỳ Đại hội hàng năm. Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa "HĐQT" đầu nhiệm kỳ 05 người (01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 2 thành viên) từ tháng 6 năm 2020 gồm 7 thành viên (01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT độc lập và 4 thành viên), đảm bảo cơ cấu nhân sự phù hợp quy định Điều lệ Tổng Công ty. Trong nhiệm kỳ

qua, để thực hiện hoàn thành HĐQT, HĐQT đã tổ chức, triển khai và ban hành các NQ, văn bản như sau:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nghị quyết	10	48	64	118	60
Biên bản họp	05	10	20	26	14
Văn bản	0	17	12	21	64
Cộng	15	75	96	165	138

Thông qua kết quả giám sát, BKS đánh giá và ghi nhận về cơ bản HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của HĐQT hàng năm như sau:

- Hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

- Thông qua các định hướng, kế hoạch kinh doanh, huy động vốn và quyết định các khoản đầu tư, mua sắm theo thẩm quyền cũng như điều chỉnh chủ trương, chính sách, cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị tương ứng hàng năm. Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai và hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm trên cơ sở quy định của Tổng Công ty và Pháp luật.

- Thực hiện phần lớn các Nghị quyết HĐQT và các nội dung chính đã được HĐQT ủy quyền: Thực hiện việc sửa đổi và Ban hành/đăng ký Điều lệ mới; Thực hiện việc sửa đổi và ban hành Quy chế quản trị Tổng Công ty; Thực hiện hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng, đối tượng chào bán cho cổ đông hiện hữu và CB-CNV. Số lượng cổ phần chào bán 44.200.000 cổ phần, trong đó 7.750.000 CP cho CB-CNV và 36.450.000 CP cho cổ đông hiện hữu.

- Thực hiện vai trò của Chủ sở hữu đối với các công ty con, công ty liên kết. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Qua giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã thực hiện vai trò của mình, bám sát các định hướng, chỉ tiêu nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định, quy định và chính sách từ HĐQT liên quan đến hoạt động SXKD của công ty con, công ty liên kết về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, phát huy hiệu quả đạt được hàng năm, đáp ứng kịp thời các yêu cầu về hoạt động và phát triển của Tổng Công ty.

2. Giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc

Tình hình nhân sự Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty ổn định, từng thành viên thực hiện theo phân công nhiệm vụ, luôn bám sát và chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết HĐQT Tổng Công ty, trong đó:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao. Các thành viên của Ban điều hành và cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

- Kịp thời ban hành và chỉnh sửa các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp theo quy định của Công ty cổ phần.

- Chủ động đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, kiểm soát chi phí và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Báo cáo đánh giá, xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai thực hiện đến các công ty con, đơn vị trực thuộc, phòng ban;

- Công bố thông tin kịp thời hàng tháng, quý, năm theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NHIỆM KỲ I (2016 - 2021)

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban điều hành.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng và đóng góp ý kiến trong công tác quản trị điều hành của Tổng Công ty.

Các báo cáo của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty phản ánh số liệu và thông tin hoạt động của Tổng Công ty công khai minh bạch và đăng tải trên Website Tổng Công ty. Hoạt động công bố thông tin tuân thủ quy định và kịp thời.

Định kỳ hàng quý, BKS có báo cáo soát xét gửi HĐQT và Ban điều hành, những ý kiến, kiến nghị của BKS được ghi nhận và triển khai đầy đủ.

Với nhiệm vụ của mình, BKS đánh giá trong nhiệm kỳ 1, BKS, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty trong thời gian qua, luôn phối hợp tốt để tổ chức hoạt động SXKD theo đúng chức năng nhiệm vụ, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định hiện hành.

B. ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021 - 2026 VÀ KIẾN NGHỊ

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ II (2021 - 2026)

Căn cứ trên định hướng năm 2021 - 2026 của Đại hội cổ đông và kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty năm 2021, quy định Tổng Công ty giữa HĐQT, BĐH và BKS, BKS xây dựng phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 - 2026) tập trung vào một số nội dung chính như sau:

1. Tăng cường và nâng cao giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng Công ty, Pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết ĐHCĐ, Quyết định của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

2. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và định hướng mục tiêu nhiệm kỳ II giai đoạn 2021 - 2026.

3. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị hàng năm. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

4. Giám sát và phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban Tổng Công ty trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Tổng Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

5. Rà soát định kỳ và kiến nghị sửa đổi, cập nhật kịp thời quy định nội bộ phục vụ hoạt động Tổng Công ty.

6. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định.

II. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ trong thời gian qua, định hướng nhiệm kỳ II và kế hoạch năm 2021. Ban kiểm soát kiến nghị:

1. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đa ngành đã được xác định từ đầu nhiệm kỳ I với 4 lĩnh vực chính, BKS kiến nghị cần tiếp tục rà soát đánh giá lại để xây dựng chiến lược kinh doanh cho trung và dài hạn làm cơ sở xác định kế hoạch và chương trình hành động cụ thể hàng năm.

2. Đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tổ chức quản lý, xây dựng chính sách nhân sự phù hợp, phát triển nguồn nhân lực có năng lực và chuyên môn đáp ứng được nhu cầu phát triển của Tổng Công ty.

3. Sau Đại hội này, ngoài việc hoàn thiện để ban hành Điều lệ sửa đổi và các quy chế mà Đại hội cổ đông thông qua. Đề nghị sớm hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty và công ty con nhằm đảm bảo thống nhất thuận lợi cho quản lý điều hành trong hệ thống của Tổng Công ty.

4. Tài sản dở dang dài hạn chiếm 18,3% tổng tài sản vừa là tiềm năng và cũng là thách thức lớn nếu không sớm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy cần tiếp tục rà soát, đánh giá danh mục đầu tư các dự án để xác định thứ tự ưu tiên triển khai, đưa vào khai thác hiệu quả nguồn lực này.

5. Đối với các khoản phải thu, phải trả còn tồn đọng, cần có kế hoạch rà soát, lập tổ xử lý, thu hồi công nợ, trên cơ sở đó chú trọng và tăng cường công tác quản lý công nợ trong nhiệm kỳ mới.

6. Tiếp tục thực hiện chuyển nhượng, thanh lý các tài sản theo phương án cổ phần hóa và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ nhiệm kỳ 1 (2016-2021) và định hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2, xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGĐ TCT;
- Lưu.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Minh Chương

Số: 143 /TTr - HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 (bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng) đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán và xác nhận, được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán với những nội dung sau:

- (1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- (2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập.
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng như sau : “Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất (và Báo cáo tài chính riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn (và của Tổng Công ty) tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (và kết quả hoạt động kinh doanh riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Báo cáo chi tiết được đính kèm và công bố trên Website của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 144 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 74 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, quy định **Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu (cổ đông) không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất.**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	67.601.540.114
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	6.760.154.011
3	Trích Quỹ Khen thưởng/Quỹ Phúc lợi (01 tháng lương thực trả)	3.500.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	57.341.386.103
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối lũy kế (theo Báo cáo tài chính Công ty Mẹ)	573.057.209.568
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (theo Báo cáo tài chính hợp nhất)	36.033.656.806
7	Chia cổ tức 1,8% theo Thông tư 200 (từ lợi nhuận sau thuế năm 2020)	36.000.000.000
8	Chia cổ tức 3,2% theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp (từ lợi nhuận sau thuế lũy kế)	64.000.000.000

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét, thông qua các mức trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020 là 5%.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Thị Thanh Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

Số: 445/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2020 và dự toán thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Tín Nghĩa thông qua ngày 12/6/2020 về chi phí thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua một số nội dung sau:

1. Chi phí thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020

Nội dung	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (được chi)	Đã chi	Còn lại chưa chi
Thù lao HĐQT, tiền lương BKS năm 2019 còn lại chưa chi				1.534.494.194
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	Tối đa 2% LNST	1.352.030.802 (67.601.540.114 x 2%)	2.166.000.000	(813.969.198)
Tiền lương thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Ban kiểm soát chuyên trách	Từ quỹ lương	3.502.790.000	3.502.790.000	-
Tiền thưởng HĐQT, BKS	5% LNST vượt KH	-	-	-
Tổng cộng		4.854.820.802	5.668.790.000	720.524.996

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chi phí thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã chi trong năm 2020

b. Tiền lương thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Ban kiểm soát chuyên trách : Được chi trả từ Quỹ lương của Tổng Công ty.

c. Tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Mức trích tiền thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 tối đa bằng 5% tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2021.

d. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm công khai, minh bạch theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

TỜ TRÌNH

**Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu hợp nhất	7.610	10.500
	<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	<i>3.418</i>	<i>3.600</i>
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	74	390
	<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	<i>68</i>	<i>300</i>
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ (tối thiểu)	5%	10%

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 147 /TTr - BKS

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa,

Nhằm thực hiện các quy định, công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”) theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau:

Stt	Tên Công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
2	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3	Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
4	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
5	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

Các công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong 05 (năm) Công ty kiểm toán theo danh sách nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Trong trường hợp không thỏa thuận được với 05 (năm) Công ty kiểm toán nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán khác trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các

công ty đại chúng, công ty niêm yết để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Minh Chương

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

TỜ TRÌNH

**Về việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị
thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "Tổng Công ty Tín Nghĩa") như sau:

1. Các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty:
 - a) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
 - b) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - c) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - d) Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.
2. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Tổng Công ty Tín Nghĩa (nếu có phát sinh).
3. Quyết định phân phối kinh phí hoạt động cho công tác đoàn thể, cộng đồng Tổng Công ty Tín Nghĩa trong phạm vi kinh phí đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Quyết định việc sử dụng các quỹ theo quy định cho công tác khen thưởng, công tác thi đua, đoàn thể, cộng đồng và các mục tiêu khác của Tổng Công ty Tín Nghĩa trong phạm vi nguồn các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Thị Thanh Hà

Số: 149/TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về số lượng và danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị,
thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa,
nhiệm kỳ II (2021 – 2026).**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông báo số 139/TB-HĐQT ngày 08/6/2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa về việc đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”), nhiệm kỳ II (2021 - 2026) để bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021-2026):

- Số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026): **06** thành viên, trong đó, có **01** thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Số lượng bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026): **03** thành viên.

2. Thông qua danh sách các ứng viên để bầu cử vào Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) như sau (*Sơ yếu lý lịch chi tiết đính kèm*):

Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bầu vào Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021-2026):

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang công tác	Hình thức tự ứng cử/đề cử - Cổ đông đề cử
1							
2							
3							

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang công tác	Hình thức tự ứng cử/đề cử - Cổ đông đề cử
4							
5							
6							

3. Thông qua danh sách ứng viên để bầu cử vào Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) như sau (*Sơ yếu lý lịch chi tiết đính kèm*):

Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát bầu cử vào Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021-2026):

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang công tác	Hình thức tự ứng cử/đề cử - Cổ đông đề cử
1							
2							
3							

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

Biên Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2021.

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA
NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”), nhiệm kỳ II (2021 - 2026) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 28/5/2021), thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 2. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử

1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử (sau đây gọi tắt là Ban kiểm phiếu) gồm 05 người do Ban Tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu, giám sát việc bỏ phiếu, tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Mỗi cổ đông, đại diện ủy quyền cổ đông khi đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đều được nhận **02 (hai)** phiếu bầu, bao gồm **01 (một)** phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và **01 (một)** phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát. Trên mỗi phiếu bầu cử có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.



2. Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự họp với Ban tổ chức Đại hội. Khi được phát phiếu bầu cử, phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.

3. Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Số lượng, tiêu chuẩn đề cử, ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Số lượng ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

a) Số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ II (2021 - 2026): **06 (sáu)** thành viên (trong đó có 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị).

b) Số lượng bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ II (2021 - 2026): **03 (ba)** thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

a) Phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và có ý thức chấp hành pháp luật.

3. Điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Tiêu chuẩn và điều kiện của người được đề cử hoặc ứng cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng Công ty; là người quản lý của Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

e) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

g) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.

Tiêu chuẩn và điều kiện của người được đề cử hoặc ứng cử vào chức danh thành viên Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty.

5. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử 01 (một) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;

- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;

- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;

- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;

- Và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định.



Điều 5. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng Công ty Tín Nghĩa, Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Ban kiểm soát và sẽ thông qua danh sách tại Đại hội.

Chương III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu cử

- a) Phiếu bầu cử được in thống nhất do Ban Tổ chức phát hành.
- b) Trên phiếu bầu cử ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái; tên cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền, tổng số phiếu bầu cử.
- c) Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu cử

- a) Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “**Bầu dồn đều phiếu**” của các ứng viên tương ứng.
- b) Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền ghi rõ số phiếu bầu vào ô “**Số phiếu bầu**” của các ứng viên tương ứng.
- c) Trong trường hợp cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đánh dấu vào cả 02 (hai) ô “**Bầu dồn đều phiếu**” và “**Số phiếu bầu**”, Ban kiểm phiếu sẽ lấy kết quả theo số lượng phiếu ở ô “**Số phiếu bầu**”.

3. Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ

- a) Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không theo mẫu quy định của Tổng Công ty hoặc không có dấu của Tổng Công ty.
- b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- c) Phiếu có tổng số phiếu bầu đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).
- d) Không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền tham dự.

Điều 7. Phương thức bầu cử

a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 8. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu

1. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

c) Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

2. Lập biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:

a) Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp;

b) Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống;

c) Số cổ phần biểu quyết và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.

Điều 9. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trong trường hợp không lựa chọn được thành viên trúng cử cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do có từ hai (02) ứng cử viên trở lên có số phiếu bầu ngang nhau, Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng theo yêu cầu thì việc có tiếp tục tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu hay không là do Đại hội đồng cổ đông quyết định.



Điều 10. Quy định về khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát sẽ do Chủ tọa Đoàn Đại hội đồng cổ đông giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 4 Chương và 11 Điều, chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty Tín Nghĩa sau khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp biểu quyết thông qua.

2. Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty Tín Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Thị Thanh Hà

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày 29 tháng 6 năm 2021.

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”);

Căn cứ quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa ngày 29/6/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 (*Báo cáo đính kèm*) với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	%KH2021/TH2020
1. Tổng doanh thu hợp nhất	7.610	10.500	138%
<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	3.418	3.600	105%
2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	74	390	527%
<i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	68	300	444%
3. Cổ tức	5%	Tối thiểu 10%	200%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ I (2016 - 2021) và định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2026 (*Báo cáo đính kèm*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch kiểm soát 2021 (*Báo cáo đính kèm*).

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa về tổng kết hoạt động nhiệm kỳ I (2016 - 2021) và định hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 - 2026) (*Báo cáo đính kèm*).

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Tín Nghĩa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 (bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng) đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán và xác nhận ký ngày 30/3/2021.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty Tín Nghĩa năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (Đvt: đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	67.601.540.114
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	6.760.154.011
3	Trích Quỹ Khen thưởng/Quỹ Phúc lợi (01 tháng lương thực trả)	3.500.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	57.341.386.103
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối lũy kế (theo Báo cáo tài chính Công ty Mẹ)	573.057.209.568
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (theo Báo cáo tài chính hợp nhất)	36.033.656.806
7	Chia cổ tức 1,8% theo Thông tư 200 (từ lợi nhuận sau thuế năm 2020)	36.000.000.000
8	Chia cổ tức 3,2% theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp (từ lợi nhuận sau thuế lũy kế)	64.000.000.000

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 74 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, quy định Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu (cổ đông) không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Căn cứ lợi nhuận thực hiện năm 2020 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính công ty mẹ tại ngày 31/12/2020, Đại hội thông qua tỷ lệ trích lập các quỹ như nêu trên và thống nhất chia cổ tức năm 2020 với mức là 5%/ mệnh giá cổ phần.

Điều 7. Thông qua mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2020 và dự toán thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Thông qua chi phí thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã chi trong năm 2020 với số tiền là: 5.668.790.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Thông qua quyết toán chi phí thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2016-2021) như sau:

Nội dung	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (được chi)	Đã chi	Còn lại chưa chi
Thù lao HĐQT, BKS	18.289.338.075	11.998.470.755	6.290.867.320
Tiền thưởng HĐQT, BKS	28.635.777.881	7.805.000.000	20.830.777.881
Tiền lương thành viên HĐQT CT và BKS CT	3.502.790.000	3.502.790.000	-
Tổng cộng	50.427.905.956	23.306.260.755	27.121.645.201

3. Thông qua kế hoạch dự trù chi phí thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2021. Cụ thể như sau:

a) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách:

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách tối đa bằng 2% lợi nhuận sau thuế năm 2021.

b) Tiền lương thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Ban kiểm soát chuyên trách : Được chi trả từ Quỹ lương của Tổng Công ty.

c) Tiền thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát:

Mức trích tiền thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 tối đa bằng 5% tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2021.

d) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm công khai, minh bạch theo quy định.

Điều 8. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021.

- | | |
|--|-----------------------|
| 1. Tổng doanh thu hợp nhất: | 10.500 tỷ đồng |
| Trong đó, Công ty Mẹ: | 3.600 tỷ đồng |
| 2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: | 390 tỷ đồng |
| Trong đó, Công ty Mẹ: | 300 tỷ đồng |
| 3. Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ (tối thiểu): | 10% |

Điều 9. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

1. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau:

Stt	Tên Công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
2	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3	Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
4	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
5	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong 05 (năm) đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

3. Trường hợp không thỏa thuận được với một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán khác trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Điều 10. Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau:

1. Các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty:

a) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

b) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

c) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

d) Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Tổng Công ty Tín Nghĩa (nếu có phát sinh).

3. Quyết định phân phối kinh phí hoạt động cho công tác đoàn thể, cộng đồng Tổng Công ty Tín Nghĩa trong phạm vi kinh phí đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Quyết định việc sử dụng các quỹ theo quy định cho công tác khen thưởng, công tác thi đua, đoàn thể, cộng đồng và các mục tiêu khác của Tổng Công ty Tín

Nghĩa trong phạm vi nguồn các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Thông qua bản Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa sửa đổi, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật khác có liên quan, gồm 21 Chương và 65 Điều (*Điều lệ đính kèm*).

Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua và thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/6/2020.

2. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 24 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/7/2020, giao người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký ban hành Điều lệ.

Điều 12. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Thông qua phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan gồm 7 Chương và 19 Điều (*Quy chế đính kèm*).

Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Điều 13. Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Thông qua phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan gồm 7 Chương và 24 Điều (*Quy chế đính kèm*).

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Điều 14. Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa.

1. Thông qua phê duyệt toàn văn Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan gồm 7 Chương và 22 Điều (*Quy chế đính kèm*).

Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, giao Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Điều 15. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026):

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) là 06 (sáu) thành viên. Trong đó có 01 (Một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) là 03 (Ba) thành viên.

Điều 16. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Trình độ chuyên môn
1					
2					
3					
4					
5					
6					

* Trong đó, ông là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 17. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, nhiệm kỳ II (2021 - 2026) gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Trình độ chuyên môn
1					
2					
3					

Điều 18. Điều khoản thi hành.

1. Giao Hội đồng quản trị Tổng Công ty chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

c) Báo cáo tình hình và kết quả thực thi Nghị quyết này trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.

2. Giao Ban kiểm soát Tổng Công ty có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp bầu Trưởng Ban kiểm soát để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Tín Nghĩa biểu quyết thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Tín Nghĩa tại địa chỉ: www.tinnghiacorp.com.vn trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc Đại hội.

4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Các cổ đông (qua Website);
- Lưu Hồ sơ Đại hội.

Đặng Thị Thanh Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **TID.000123**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **500** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 1.500 cổ phần

Số: 141 /TB-HĐQT

Biên Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

**Danh sách đề cử, ứng cử thành viên
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026)**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;

Căn cứ Thông báo số 139/TB-HĐQT ngày 08/6/2021 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa về việc đề cử, ứng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026),

Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa trân trọng thông báo đến Quý cổ đông danh sách ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026) như sau:

I. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ II (2021-2026)

1. Danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ II (2021-2026): Không có.

2. Danh sách đề cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ II (2021-2026): Theo Phụ lục I đính kèm.

II. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026)

1. Danh sách ứng cử thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026): Không có.

2. Danh sách đề cử thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026): Theo Phụ lục II đính kèm.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu: Hồ sơ Đại hội, VP HĐQT.



Đặng Thị Thanh Hà

Biên Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2021

Phụ lục I

**DANH SÁCH ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NHIỆM KỲ II (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

(đính kèm Thông báo số 141 /TB-HĐQT ngày 21/6/2021 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa)

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác	Chức danh quản lý khác	Hình thức đề cử
1	Đặng Thị Thanh Hà	1973	Nữ	271142668	Thạc sỹ QTKD	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ I	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Logistics Tín Nghĩa; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại và Xây dựng Phước Tân; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu.	Cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa đề cử
2	Nguyễn Văn Hồng	1964	Nam	271059592	Kỹ sư điện tử	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tín Nghĩa	Chủ tịch HĐQT Công ty CP KCN Tín Nghĩa – Phương Đông; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thống Nhất; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch.	Cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa đề cử
3	Trần Ngọc Thơ	1959	Nam	092059000289	Tiến sỹ Tài chính – Ngân hàng	Thành viên HĐQT độc lập Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ I	Giảng viên Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa đề cử



Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác	Chức danh quản lý khác	Hình thức đề cử
4	Trần Hoài Nam	1979	Nam	001079026521	Cử nhân Kinh tế	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ I	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sonadezi Giang Điền; Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc; Phó Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt và Liên Danh.	Công ty CP Đầu tư XD & VLXD Sài Gòn đề cử
5	Nguyễn Thành Đạt	1987	Nam	271940760	Kỹ sư xây dựng	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ I	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng KCN Nhơn Trạch 6A	Công ty CP Đầu tư XD & VLXD Sài Gòn đề cử
6	Quách Trọng Nguyên	1995	Nam	272457630	Cử nhân	Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Xăng dầu Tín Nghĩa - Pelio	Thành viên HĐQT Công ty CP KCN Tín Nghĩa – Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Logistics Tín Nghĩa – ICD Biên Hòa; Thành viên HĐQT Công ty CP Khí DMHL Tín Nghĩa; Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Đồng Nai.	Nhóm cổ đông cá nhân đề cử



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Thị Thanh Hà

Biên Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2021

Phụ lục II

DANH SÁCH ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ II (2021-2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

(đính kèm Thông báo số 141 /TB-HĐQT ngày 21/6/2021 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa)

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác	Chức danh quản lý khác	Hình thức đề cử
1	Trần Tấn Nhật	1982	Nam	023462542	Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa nhiệm kỳ I	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư Phát triển điện lực Việt Nam (VDP); Phó trưởng Phòng Đầu tư Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sonadezi Giang Điền.	Công ty CP Đầu tư XD & VLXD Sài Gòn đề cử
2	Tăng Trần Tấn Khải	1980	Nam	272779340	Cử nhân Kế toán	Phó Giám đốc Đầu tư Phát triển Tổng Công ty Tín Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Logistics Tín Nghĩa – ICD Biên Hòa; Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khu công nghiệp Tín Nghĩa Phương Đông; Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai (Donafood); Kiểm soát viên Công ty TNHH Tín Nghĩa Commodities.	Cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa đề cử



Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác	Chức danh quản lý khác	Hình thức đề cử
3	Lê Ngọc Dung	1968	Nữ	270751076	Cử nhân Kinh tế; Thạc sỹ QTKD	Phó Giám đốc Công ty CP XD&TM Phước Tân	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP QLDA Tín Nghĩa	Cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa đề cử

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Thị Thanh Hà



Số: 151 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”) hiện đang được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua ngày 12/6/2020 theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, trong đó có nhiều quy định mới và thay đổi so với Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Căn cứ tình hình thực tế về hoạt động của Tổng Công ty thời gian qua và để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động đúng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, dự thảo Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa sửa đổi đã được Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành Tổng Công ty xây dựng tuân thủ theo các quy định mới của pháp luật.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua toàn văn bản Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa sửa đổi, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật khác có liên quan, gồm 21 Chương và 65 Điều (*Điều lệ đính kèm*).

Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua và thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/6/2020.

2. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 24 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/7/2020, giao người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký ban hành Điều lệ.

Kính trình Đại hội xem xét, quyết định thông qua làm căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA** (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ đông biểu quyết tán thành, thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày **29** tháng **6** năm **2021** một cách hợp lệ, phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Chương I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Đại hội” là Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.
- “Hội đồng” là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;
- b) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của Tổng Công ty đã bán và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- f) “Pháp luật” là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Tổng Công ty;
- g) “Ngày thành lập” là ngày thành lập Tổng Công ty (07/09/1989);
- h) “Người quản lý” là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty và các vị trí quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

i) “Người điều hành” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty;

j) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng Công ty trong các trường hợp quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hoặc có quan hệ với nhau trong các trường hợp quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) “Người có quan hệ gia đình” là bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

l) “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Tổng Công ty và được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

n) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

p) “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

q) “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;

r) “Địa bàn kinh doanh” là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

s) “Đơn vị trực thuộc” là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc Tổng Công ty được thành lập theo quy định của pháp luật và hạch toán độc lập hoặc phụ thuộc Tổng Công ty;

t) “Sổ giao dịch chứng khoán” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

u) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

v) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.

Chương II.

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

1. Tên của Tổng Công ty:

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

TIN NGHIA CORPORATION

Tên Tổng Công ty viết tắt:

TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

2. Hình thức hoạt động:

a) Tổng Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

b) Tổng Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ và hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;

c) Tổng Công ty chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;

d) Tổng Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251) 3 822 486

Fax: (0251) 3 823 747

Email: info@tinnghiacorp.com.vn

Website: www.tinnghiacorp.com.vn

Trường hợp trụ sở chính của Tổng Công ty chuyển đến địa điểm khác sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty quyết định.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Tổng Công ty:

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty có thể thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty:

Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 59, Điều 60 và Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được tính bắt đầu kể từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác liên quan đến người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

b) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Chương III.

**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

a) Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty là các ngành, nghề trong hồ sơ nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh và được đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Nhằm đáp ứng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty, giao Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định thay đổi, bổ sung tăng hay giảm ngành, nghề kinh doanh và được thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Việc thay đổi, bổ sung tăng hay giảm ngành, nghề kinh doanh không làm sửa đổi, bổ sung hay thay đổi nội dung Điều lệ Tổng Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

- a) Tổ chức, triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty phù hợp với các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký;
- b) Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông;
- c) Tạo môi trường lao động, làm việc an toàn, thân thiện, từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc; Xây dựng và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp;
- d) Phát huy tối đa khả năng của từng người lao động, đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty;
- e) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, bảo đảm lợi nhuận cho Tổng Công ty và cổ tức cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty

1. Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Tổng Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật chuyên ngành liên quan.

3. Tổng Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

4. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Tổng Công ty là **2.000.000.000.000 VNĐ** (Hai nghìn tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành **200.000.000** (Hai trăm triệu) cổ phần với mệnh giá là **10.000 VNĐ/cổ phần** (Mười nghìn đồng một cổ phần).

b) Tổng Công ty có thể tăng vốn điều lệ trong quá trình hoạt động khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tài sản góp vốn có thể được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam và chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Hội đồng quản trị chấp thuận.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn và thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

c) Vốn điều lệ của Tổng Công ty được đóng góp trên cơ sở tự nguyện của các cổ đông. Các cổ đông sẽ tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của tiền hoặc tài sản góp vốn. Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về nguồn gốc của tiền hoặc tài sản do cổ đông đóng góp;

d) Tổng Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng Công ty nếu Tổng Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

- Tổng Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

e) Trường hợp tăng vốn điều lệ, cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

2. Cổ phần:

a) Tất cả cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

c) Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cổ đông sáng lập:

Tổng Công ty hoạt động trên cơ sở được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nên chỉ có cổ đông phổ thông và không có cổ đông sáng lập theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng nhận cổ phiếu:

a) Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

b) *Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.*

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

d) Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

e) *Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:*

- Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Tổng Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Tổng Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- *Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;*
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Tổng Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả cổ phần của Tổng Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp hạn chế về chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng mà cần chuyển nhượng trước thời hạn thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Nếu vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra cho Tổng Công ty.

3. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

9. Tổng Công ty đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

10. Bất kể các quy định nêu trên, cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể được tự do để lại thừa kế, nhưng người được hưởng quyền thừa kế hợp pháp sẽ không tự động trở thành thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát.

Chương V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định và được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó.

Chương VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;

h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Điều lệ này

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

4. Chấp hành *Nghị quyết*, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. *Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định của tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.*

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) *Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện khác theo quy định của Tổng Công ty.*

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược trong vòng 05 năm theo quy định tại Điều lệ này;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Thông qua việc Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn

35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Tổng Công;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết

tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6 và 7 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4, 6 và 7 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.*

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. *Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.*

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, *tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.*

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Tổng Công ty;

g) Trường hợp Tổng Công ty là công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 06 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công ty (là công ty đại chúng) phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Trường hợp Tổng Công ty là công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

i) Thông qua việc Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm h, điểm i khoản này và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Căn cứ nhu cầu, Hội đồng quản trị có thể bầu một hoặc một số thành viên của Hội đồng quản trị làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 05% đến dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm g khoản này và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị đến dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì một thành viên khác (được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền) hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo thứ tự ưu tiên trước hết thuộc về Phó Chủ tịch thường trực) thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp tại Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty.
2. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Tổng Công ty

1. Người điều hành Tổng Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản

trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản theo ủy quyền hoặc phê duyệt của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 05% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm i khoản này và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Bộ máy giúp việc

1. Hợp đồng lao động của những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

2. Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công

hoặc ủy quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Tổng Công ty.

4. Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở nhu cầu bố trí nhân sự hoặc đề nghị của Tổng giám đốc Tổng Công ty, là Thủ trưởng điều hành trực tiếp tại các đơn vị đó, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.

5. Các Giám đốc, Phó giám đốc phòng, ban chuyên môn tại Tổng Công ty, là người giúp việc cho Tổng giám đốc thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày, do Tổng giám đốc bổ nhiệm trên cơ sở được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt.

Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, là người giúp việc cho Giám đốc đơn vị thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày tại đơn vị, do Tổng giám đốc bổ nhiệm trên cơ sở nhu cầu bố trí nhân sự hoặc theo đề nghị của Giám đốc đơn vị đó và được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê chuẩn.

6. Nhiệm kỳ của các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty là không quá 05 năm, nhiệm kỳ của các chức danh khác là không quá 03 năm.

Chương IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kiểm toán, kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong

vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Chương X.

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị

từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách

cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Chương XII.

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, của các tổ chức đó và của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng Công ty; không cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

3. Tổng Công ty tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Thu hồi tiền thanh toán cổ tức

Trường hợp việc thanh toán trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp, cổ đông phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 50. Xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:

a) Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

2. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc Luật Phá sản doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc chịu lỗ:

Các cổ đông Tổng Công ty sẽ chịu lỗ tương ứng theo tỷ lệ phần vốn góp của cổ đông vào Tổng Công ty.

Chương XIV.

**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các *chi nhánh* ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 52. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Tổng Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. *Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.*
2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.
3. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 55. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương XVI.

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Chương XVII.

DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Dấu của Tổng Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).

3. Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm và quyết định trong việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII.

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 59. Tổ chức lại

1. Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại Tổng Công ty theo các hình thức sau:

- a) Chia Tổng Công ty;
- b) Tách Tổng Công ty;
- c) Hợp nhất Tổng Công ty;
- d) Sáp nhập Tổng Công ty;
- e) Chuyển đổi Tổng Công ty.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức lại Tổng Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan.

Điều 60. Giải thể

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này (nếu có) mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan.

Điều 61. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và

các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) *Nợ thuế*;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ đến a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 62. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tổng Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thể đề nghị việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

Chương XXI.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 65 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại tỉnh Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty, được lập thành 10 bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Tổng Công ty hoặc người được Tổng giám đốc Tổng Công ty phân công, ủy quyền ký sao y hoặc trích lục mới có giá trị.
4. Điều lệ này được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 24 Luật Doanh nghiệp như dưới đây và thay thế cho bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/6/2020./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Số: 152 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ
Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”) đã được Đại hội biểu quyết thông qua,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua phê duyệt toàn văn Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan, gồm 7 Chương và 19 Điều (*Quy chế đính kèm*).

Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội xem xét, quyết định phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

DỰ THẢO

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... /NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty;

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm các nội dung sau:

Chương I.

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Chương II.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Điều lệ Tổng Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Tổng Công ty được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

10. Cách thức bỏ phiếu.

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Cách thức kiểm phiếu.

a) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành

ng nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

b) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

b) Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham gia họp, phát biểu ý kiến và biểu quyết bằng các hình thức tương ứng theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Chương III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty.

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.

c) Đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty.

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Tổng Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty.

i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

- Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty là 06 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công ty (là công ty đại chúng) phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Trường hợp Tổng Công ty là công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tổng Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

- Trừ các trường hợp nêu trên thuộc điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thông báo theo các quy định về công bố thông tin về thay đổi người nội bộ doanh nghiệp.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ Tổng Công ty.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì một thành viên khác (được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền) hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo thứ tự ưu tiên trước hết thuộc về Phó Chủ tịch thường trực) thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn

chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác (nếu có).

b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết.

a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

a) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

b) Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty;

a) Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Các trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện thông báo theo các quy định về công bố thông tin về thay đổi người nội bộ doanh nghiệp.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Chương IV.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 39 Điều lệ Tổng Công ty và Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

a) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.

a) Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kiểm toán, kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

b) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ Tổng Công ty.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện thông báo theo các quy định về công bố thông tin về thay đổi người nội bộ doanh nghiệp.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Chương V.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ Tổng Công ty.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

4. Tổng Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

5. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

6. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết để giải quyết vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của Tổng Công ty.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc.

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

4. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Trường hợp xét thấy vì lợi ích của Tổng Công ty hoặc những vấn đề cần xin ý kiến mà thuộc thẩm quyền giải quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc hoặc Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Việc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận hoặc xin ý kiến.

5. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

a) Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng phương án hoạt động của Tổng Công ty để trình Hội đồng quản trị.

b) Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Tổng Công ty ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời, phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời gian báo cáo ngay không trễ hơn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

c) Hàng quý, hàng năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng hoạt động trong thời gian tới cho Hội đồng quản trị, thời gian gửi báo cáo không trễ hơn 07 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng quản trị thường kỳ.

Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng giám đốc phải kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

d) Các cuộc họp khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán ký kết hợp đồng có giá trị theo phân cấp của Tổng Công ty, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để dự.

e) Các cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng Công ty do các cơ quan, đơn vị liên quan mời Tổng Công ty thì phải thông báo cho Hội đồng quản trị tham dự và báo cáo tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc có trách nhiệm định kỳ báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty hoặc khi Hội đồng quản trị có yêu cầu.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

7. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty tương ứng với các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Thi đua Khen thưởng của Tổng Công ty.

Chương VII.

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm 7 Chương, 19 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Bất kỳ nội dung, Điều khoản nào của Quy chế này có yếu tố trùng lặp hoặc trái với các quy định của Điều lệ Tổng Công ty thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế này và trình Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty xem xét, phê duyệt để làm căn cứ thực hiện./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Số: 153 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa”) đã được Đại hội biểu quyết thông qua,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan, gồm 7 Chương và 24 Điều (*dự thảo Quy chế đính kèm*).

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội xem xét, quyết định phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

DỰ THẢO

Biên Hòa, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình của cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Tổng Công ty có 06 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng Công ty. Thư ký Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 8. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Tổng Công ty có Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thì ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty quy định, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; Phó Chủ tịch thừa ủy quyền của Chủ tịch khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về công tác của mình trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; đồng thời, cùng các thành viên khác của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trợ giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc quản trị Tổng Công ty và giúp Chủ tịch trong việc điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được giao thẩm quyền điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cân trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Tổng Công ty;

2. Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- i) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm h, điểm i khoản này và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định. Mỗi

thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Tổng Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tổng Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của C Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc

bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết/ Quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng phương án hoạt động của Tổng Công ty để trình Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Tổng Công ty ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời, phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời gian báo cáo ngay không trễ hơn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

4. Hàng quý, hàng năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng hoạt động trong thời gian tới cho Hội đồng quản trị, thời gian gửi báo cáo không trễ hơn 07 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng quản trị thường kỳ.

Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng giám đốc phải kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

5. Các cuộc họp khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán ký kết hợp đồng có giá trị theo phân cấp của Tổng Công ty, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để dự.

6. Các cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng Công ty do các cơ quan, đơn vị liên quan mời Tổng Công ty thì phải thông báo cho Hội đồng quản trị tham dự và báo cáo tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Hội đồng quản trị đảm bảo các thông tin tài chính, các thông tin khác, các nghị quyết, các quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời. Ngoài các thông tin, báo cáo được cung cấp, Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty để phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra thường xuyên và đột xuất, trực tiếp tại chỗ và giám sát từ xa.

4. Ban kiểm soát được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị. Tại các phiên họp này Ban kiểm soát được quyền đóng góp ý kiến, khuyến nghị, đề xuất nhưng Ban kiểm soát không tham gia biểu quyết.

5. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời thống nhất với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.
2. Bất kỳ nội dung, Điều khoản nào của Quy chế này có yếu tố trùng lặp hoặc trái với các quy định của Điều lệ Tổng Công ty thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ.
3. Trong quá trình thực hiện nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế này và trình Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty xem xét, phê duyệt để làm căn cứ thực hiện./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: 154 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2021.

TỜ TRÌNH

**Về phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa”) đã được Đại hội biểu quyết thông qua,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan, gồm 7 Chương và 22 Điều (*dự thảo Quy chế đính kèm*).

Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Tín Nghĩa phê duyệt.

2. Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty Tín Nghĩa, giao Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế và triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội xem xét, quyết định phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ Đại hội, VPHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

DỰ THẢO

Biên Hòa, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty Tín Nghĩa” hoặc “Tổng Công ty”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021;

Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm các nội dung sau:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
4. Không phải là người quản lý Tổng Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty.

5. Không được làm việc trong bộ phận kiểm toán, kế toán, tài chính của Tổng Công ty.

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, nếu có.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Chương III.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế

toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

Chương IV.

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V.

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm

chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI.

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Tín Nghĩa bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.
2. Bất kỳ nội dung, Điều khoản nào của Quy chế này có yếu tố trùng lặp hoặc trái với các quy định của Điều lệ Tổng Công ty thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ.
3. Trong quá trình thực hiện nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Ban kiểm soát có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế này và trình Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty xem xét, phê duyệt để làm căn cứ thực hiện./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN